

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 23/06/2020;

- Căn cứ Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

- **Thời gian:** Từ 08h30 đến 12h15 ngày 27 tháng 04 năm 2021.

- **Địa điểm:** Sảnh Tân Bình, Tầng 2 Khách sạn Mường Thanh Luxury Sài Gòn, số 261C Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

- **Thành phần tham dự:** các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ ngày 29/03/2021, như sau:

• Số cổ đông trực tiếp tham dự: 50 cổ đông và 09 cổ đông trình ủy quyền tham dự tại Đại hội, đại diện cho **12.865.805** cổ phần, **chiếm 91,27 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

• Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc các đơn vị thành viên.

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

- Ban tổ chức tiến hành thủ tục đăng ký đại biểu tham dự Đại hội.

- Bà Nguyễn Bích Thảo, thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội, Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo xác nhận tư cách đại biểu cổ đông tham dự và giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội.

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 18 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam, căn cứ Báo cáo xác nhận tư cách đại biểu cổ đông tham dự, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đủ điều kiện để tiến hành hợp pháp và hợp lệ.

• **Đoàn Chủ tịch Đại hội:**

- Ông Đỗ Tiến Đức – Chủ tịch HĐQT Công ty – Chủ tọa;
- Ông Trịnh Vũ Khoa – Tổng giám đốc Công ty;
- Ông Hoàng Việt – Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

Đại hội nhất trí thông qua Đoàn chủ tịch Đại hội với tỷ lệ chấp thuận là 100%.

• **Chủ tọa đề cử Ban thư ký Đại hội:**

1. Ông Trần Duy Đức – Thư ký Công ty;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Chuyên viên Ban Tài chính kế toán.

• **Chủ tọa đề cử Ban kiểm phiếu Đại hội:**

1. Ông Trần Công Toàn – Người phụ trách quản trị Công ty – Trưởng ban;
2. Ông Lê Quốc Cường – Phó Trưởng ban Quản lý đầu tư – thành viên;
3. Bà Trần Thanh Hương – Cán bộ Ban Tổ chức tiền lương – thành viên;
4. Ông Nguyễn Hưng Lệnh – Cán bộ Ban Tài chính Kế toán – thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua Ban thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội với tỷ lệ chấp thuận là 100%.

• **Đoàn chủ tịch bắt đầu điều hành Đại hội:**

- Ông Đỗ Tiến Đức phân công bà Nguyễn Bích Thảo giới thiệu Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.
- Bà Nguyễn Bích Thảo trình bày Chương trình và Quy chế làm việc đề Đại hội biểu quyết thông qua.

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình và Quy chế làm việc với tỷ lệ chấp thuận là 100%.

II. CÁC BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT:

1. Ông Đỗ Tiến Đức – Chủ tịch HĐQT báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty và báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng năm 2021.
2. Ông Trịnh Vũ Khoa – Tổng giám đốc trình bày báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021. Báo cáo kết quả tài chính và kết quả kiểm toán năm 2020.
3. Ông Hoàng Việt - Trưởng Ban kiểm soát trình bày báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.

III. CÁC TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021:

* Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến về các Tờ trình ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Bích Thảo, Thành viên HĐQT trình ĐHĐCĐ xem xét, cho ý kiến về các Tờ trình sau:

+ Tờ trình số 142/TTr-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 V/v thông qua Báo cáo Thường niên, Báo cáo Tài chính năm 2020.

+ Tờ trình số 143/TTr-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 V/v phân phối lợi nhuận năm 2020; Kế hoạch SXKD, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2021.

+ Tờ trình số 144/TTr-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 V/v thông qua Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao, Quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý chuyên trách và Người PTQT Công ty.

- Ông Đỗ Tiến Đức, Chủ tịch HĐQT trình ĐHĐCĐ xem xét, cho ý kiến về:

+ Tờ trình số 145/TTr-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 V/v sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Ông Hoàng Việt, Trưởng Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ xem xét, cho ý kiến về:

+ Tờ trình số 146/TTr-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 V/v kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021.

IV. Ý KIẾN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG VỀ CÁC BÁO CÁO, CÁC TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI:

* Ông Vũ Xuân Trung (Mã cổ đông 583):

- HĐQT sửa đổi Điều lệ hiện hành có năm (05) thành viên và theo tôi được biết là Điều lệ mới có bảy (07) thành viên HĐQT vậy có thể cho chúng tôi biết về việc thay đổi này nhằm mục đích gì và dựa trên cơ sở như thế nào để thay đổi.

* Ông Đỗ Tiến Đức (Chủ tịch HĐQT) trả lời:

- Dự thảo Điều lệ sửa đổi về thành viên của HĐQT là không có sự thay đổi, vẫn giữ nguyên như Điều lệ hiện tại là bảy (07) thành viên. Trong đó vẫn theo cơ cấu của Nghị định 155, quy định của Công ty đại chúng niêm yết về tỉ lệ từ sáu (06) đến tám (08) thành viên, thì phải có tối thiểu hai (02) thành viên HĐQT độc lập. Do đó, cơ cấu của số lượng thành viên HĐQT không có gì thay đổi.

* Ông Trần Hồng Quang (Mã cổ đông 472):

- Thứ nhất tôi đang là Ủy viên HĐQT, cũng là cổ đông, tôi xin nói rất công khai, tôi chỉ mong Công ty làm ăn có hiệu quả hơn để được chia cổ tức nhiều. Tôi chưa bao giờ làm bất kỳ điều gì gây ảnh hưởng đến sự phát triển của VOSA, nếu có thì chỉ làm điều tốt cho VOSA, cho nên là nếu ai có thông tin gì trong cuộc họp ở đây thì nói năng không được vu không. Xin nhắc lại, tôi luôn luôn góp ý chân thành nhất để cho VOSA làm việc hiệu quả nhất, để đảm bảo quyền lợi cho tôi, nếu như sau này có cơ hội kể cả nhà nước có thoái vốn thì tôi sẽ tiếp tục mua vì tôi rất yêu VOSA và tôi có trách nhiệm với tiền đầu tư của tôi. Tôi có nói với anh Khoa tại công ty tôi, nếu sau này nhà nước có thoái vốn thì mọi người nên tập trung mua cổ phần của VOSA để phát triển tốt hơn, còn nếu các anh không mua thì tôi

mua, nhà nước không thoái vốn thì cũng chẳng ai mua được cả, còn tôi như vậy là không phải là để đầu tư. Thứ hai, tôi bỏ tiền vào đây không có chuyện tôi làm suy yếu VOSA, chỉ có những người điên mới làm điều này thôi, chỉ có những người không đầu tư ở đây thì mới tìm cách bòn rút ở đây, những người như tôi bỏ tiền vào đây không phải để làm suy yếu VOSA.

- Thứ hai cơ sở nào để chúng ta đưa ra dự kiến việc chia cổ tức 2021 càng ngày càng đi xuống với tư cách là cổ đông tôi càng thấy tôi càng thấy xót. Tại sao chia cổ tức có 15% mà kế hoạch 2021 đề nghị tối thiểu là 10%, lợi nhuận chưa phân phối còn rất nhiều tại sao không chia 30% đến 50% vẫn được mà. Tôi đề nghị chia hết, sang năm đề nghị chia cổ tức năm 2021 tối thiểu 30% lợi nhuận sau thuế.

- Đối với trích Quỹ đầu tư phát triển 15% chỗ có chỗ không vì đây liên quan đến số liệu ai làm báo cáo cho Tổng giám đốc chỗ này rất là không được, một loạt liên quan Quỹ đầu tư phát triển và một loạt hạng mục đầu tư tại sao không sử dụng nó và sử dụng như thế nào thì kế toán phải có trách nhiệm trả lời. Kiểm toán nên tư vấn cho Công ty xử lý quỹ này sử dụng như thế nào. Đưa ra một phương án cụ thể.

- Chủ tịch HĐQT phải thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ của HĐQT mà HĐQT đã giao cho anh. Chủ tịch HĐQT không được ủy quyền cho anh Khoa, không được ủy quyền cho anh Việt, công tác bổ nhiệm cán bộ là việc của HĐQT thì Chủ tịch HĐQT phải thực hiện chứ.

- Tôi đề nghị Anh Khoa, nhắc lại giữa Đại hội, có cả đại diện của Vinalines là anh Chung, là không được lạm dụng con dấu của Công ty, gửi thư đóng dấu Công ty gửi về Cổ đông 51% là không được. Tôi đã nhắc nhưng đến bây giờ vẫn thực hiện, các văn bản của Người đại diện vốn như là anh Đức, anh Khoa, chị Thảo, chị Hà là không được đóng dấu Công ty gửi lung tung. Tôi nói về vấn đề này là vì tôi có ý kiến rồi mà Người đại diện Cổ đông 51% rất coi thường cổ đông bên ngoài, phớt lờ ý kiến và không tôn trọng ý kiến cổ đông ngoài. Ý kiến của chúng tôi đề nghị một kiểu Cổ đông 51% phê duyệt một kiểu đến mức chúng tôi không có ý kiến nữa, vì các anh có bốn (04) người chúng tôi chỉ có ba (03) người. Ban điều hành không trình kế hoạch SXKD năm 2021 cho HĐQT theo quy định và chúng tôi chỉ biết sau khi đã được Cổ đông 51% phê duyệt.

- Tôi đề nghị không trích Quỹ khen thưởng, Quỹ đầu tư phát triển vì tôi thấy hiện nay vẫn còn hơn 10 tỷ đồng.

- Tổng giám đốc (TGD) phải xây dựng các định mức SXKD, định mức kinh tế kỹ thuật trình HĐQT phê duyệt để làm cơ sở giao khoán và để kiểm soát. TGD phân quyền xây dựng điều lệ hoạt động cho các chi nhánh, phân quyền cho các chi nhánh thực hiện. Cổ đông 51% sao không yêu cầu thực hiện việc này? Nếu không thực hiện được là sai hoàn toàn, không có cơ sở để kiểm tra, kiểm soát. Tôi đề nghị Chủ tịch HĐQT và TGD tạo điều kiện tốt nhất cho Ban kiểm soát làm việc.

- Ban kiểm soát phải làm việc nhiều hơn và có hiệu quả nhất, tôi đề nghị anh Đức và anh Khoa tạo điều kiện tốt nhất cho Ban kiểm soát làm việc hiệu quả. Ngoài ra, tôi đề nghị anh Việt đặc biệt kiểm soát lại toàn bộ tài sản toàn Công ty, đặc biệt là tài sản cố định ví dụ trích khấu hao có phù hợp chưa? Trích nhanh hay trích chậm... Ban kiểm soát phải kiểm tra lại và trình lên HĐQT để chúng tôi xem lại có phù hợp hay không. Có thể tìm kiểm toán khác tư vấn và kiểm tra có hiệu quả cho Công ty.

- Tôi đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triển khai sớm việc lập hai (02) Tiểu ban giúp việc HĐQT, phải làm sớm và phải có hiệu quả.

- Ngoài ra, tôi cũng được biết là cho thuê kho Q7 ở Đào Trí hiện nay được 150.000.000 đồng so với giá thuê trước kia là 44.000.000 đồng, tại sao lại như vậy, đó là vì không có định mức. Vì không có quy định, quy chuẩn thì không chỉ có cái kho mà còn nhiều cái khác thì có thể sẽ giống như kho Đào Trí.

*** Ông Đỗ Tiến Đức (Chủ tịch HĐQT) trả lời:**

- Tôi ghi nhận ý kiến góp ý của anh Quang, mọi người cũng đã nghe các ý kiến, tôi nghĩ rằng không chỉ riêng anh Quang đâu mà còn các cổ đông khác cũng muốn đóng góp xây dựng cho Công ty để đổi mới sáng tạo, làm sao định hướng đưa Công ty đi đúng. Mong mọi người chia sẻ và thông cảm cho HĐQT nhiều ý kiến có thể chưa thể giải đáp được chi tiết tại Đại hội này và sẽ cố gắng giải đáp tối đa trong phạm vi thẩm quyền của chúng tôi.

- Trách nhiệm của HĐQT phải dựa trên chương trình kế hoạch hành động, trước hết là phải đánh giá thực trạng, sau đó xây dựng chương trình kế hoạch, tiếp đến là chương trình thực hiện. Những quy chế quan trọng về công tác nhân sự thì HĐQT cũng đã ban hành, hôm nay trình Đại hội 03 Quy chế (bổ sung, sửa đổi) và còn nhiều quy chế khác vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện.

- Việc phân quyền cho các chi nhánh thì HĐQT cũng đã có kế hoạch, chương trình hành động năm 2021 đã được ban hành Nghị Quyết, thống nhất theo chủ trương đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Công ty sẽ cố gắng phân cấp, phân quyền và tăng cường quản lý giám sát.

- Việc ủy quyền đối với công tác nhân sự, qua cuộc họp HĐQT thường kỳ quý 1/2021, tôi cũng đã đề nghị cải tiến đổi mới.

- Bổ nhiệm cán bộ các chi nhánh phải có đánh giá, quy hoạch cán bộ sau đó trình lên cấp có thẩm quyền xem xét đồng ý. Quy trình bổ nhiệm phức tạp, ngoài ra bổ nhiệm nhân sự còn phải căn cứ vào tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh, lấy đó làm cơ sở cao nhất.

*** Ông Trịnh Vũ Khoa (Tổng giám đốc) trả lời:**

- Đối với Quỹ đầu tư phát triển, từ khi được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc vào tháng 07/2020, tôi đã rà soát lại, trong những năm vừa qua đã dùng dòng tiền từ Quỹ đầu tư phát triển để gia tăng tài sản đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất... nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển quỹ.

- Việc chia cổ tức thấp đi là để đảm bảo có đủ nguồn tiền còn lại sử dụng để chi cho các hoạt động SXKD nhằm mục đích phát triển. Vào thời điểm nào đó có thể chia gia tăng cổ tức cho các công đông, việc SXKD của Công ty đi xuống là khẳng định không có. Trước những bộn bề khó khăn của đại dịch Covid-19 bằng những nỗ lực và cố gắng hết mình để đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.

- Dựa trên báo cáo kết quả thực hiện năm 2020 xây dựng kế hoạch năm 2021 đều phải qua những bước báo cáo, tỉnh và phê duyệt của HĐQT.

- Đối với công tác phân quyền và xây dựng các định mức, đã có ủy quyền rất chi tiết của TGD, bắt đầu từ tháng 09/2020 và đã báo cáo rất rõ và chi tiết đến HĐQT. Bên cạnh đó TGD đã ban hành định mức văn phòng phẩm, xăng xe, chi phí xã giao... và đã báo cáo HĐQT.

- Tôi đã thành lập Tổ thẩm định giá thuê ngoài báo cáo sự thay đổi giá dịch vụ giữa các chi nhánh và Tổ trực tiếp làm việc với các nhà cung cấp để tìm được giá cung cấp tốt

nhất, phù hợp và cạnh tranh nhất tạo ra kết quả là đã hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của năm 2020.

- Tôi luôn tôn trọng cổ đông, tuân thủ luật pháp và chịu trách nhiệm mục đích làm sao đem lại kết quả cao nhất cho Công ty. Đó là sự nỗ lực của toàn Công ty.

- Đối với việc trích lập Quỹ khen thưởng thì cũng được dựa trên các quy định của pháp luật.

*** Ông Phan Văn Khánh (Mã cổ đông 394):**

- Đối với báo cáo hoạt động của VOSA năm 2020 đạt 1.037 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 42 tỷ đồng, tôi cho rằng HĐQT, Ban TGD và toàn thể cán bộ VOSA đã hoạt động rất tốt và thành công. HĐQT xây dựng kế hoạch chỉ tiêu năm 2021 rất khiêm tốn, có thể vượt qua được.

- Tôi xin có ý kiến về vấn đề nhân sự, cụ thể là vị trí Kế toán trưởng, đã bao năm rồi vẫn chưa kiện toàn được, do đó phải cương quyết làm dưới cương vị là lãnh đạo, hiện nay tôi cho rằng đây là khiếm khuyết.

- Đối với nội dung về BCTC đã kiểm toán trình ĐHĐCĐ lần sau phải phải có số lượng lao động, thu nhập bình quân của người lao động là bao nhiêu. Tôi đề nghị AASC hoặc kiểm toán khác phải tự cập nhật trong báo cáo kiểm toán năm sau.

*** Ông Đỗ Tiến Đức (Chủ tịch HĐQT) trả lời:**

- Tôi cảm ơn ý kiến của anh Khánh đề HĐQT và Ban TGD tiếp tục cố gắng hơn nữa thời gian tới.

*** Ông Nguyễn Hữu Quý (Mã cổ đông 192):**

- Tôi có ý kiến đối với công tác cán bộ, hiện nay Ban QLĐT, Ban KTĐN và Ban TCKT chưa có Trưởng ban, ngoài ra còn có tới sáu (06) chi nhánh chưa có Giám đốc. Tôi mong muốn Công ty có thể hoàn thiện cơ cấu tổ chức, thời gian hai (02) năm đến ba (03) năm vừa qua nhiều vị trí vẫn đang treo chưa bổ nhiệm được.

*** Ông Đỗ Tiến Đức (Chủ tịch HĐQT) trả lời:**

- Đối với công tác tổ chức, Công ty hiện nay đang tổ chức sắp xếp lại và rất quan tâm đến công tác kiện toàn nhân sự, chỉ là hiện nay chưa có nhân sự để thay thế bên cạnh đó công tác cán bộ cần đổi mới sáng tạo, đủ năng lực điều hành mục đích, phương hướng tập trung hỗ trợ phát triển hoạt động SXKD do đó tới đây Ban TCTL sẽ tham mưu cho HĐQT để hoàn thiện, mang lại niềm tin cho người lao động.

- Ban KTĐN thì có chị Trang Phó tổng giám đốc là kiêm nhiệm chức vụ Trưởng ban và hiện nay vẫn đang làm việc rất hiệu quả. Ngoài ra, Ban QLĐT thì đã có bổ nhiệm anh Cường là một cán bộ lâu năm của ban QLĐT lên giữ chức Phó ban QLĐT.

- Đối với vị trí Kế toán trưởng, Công ty đang trong lộ trình hoàn thiện quy trình thi tuyển các chức danh lãnh đạo như Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc. Đối với mong muốn của anh Quý là tôi rất đồng tình, tuy nhiên HĐQT phải tuân thủ các Quy chế, Quy định. Ngoài ra, việc kiện toàn công tác nhân sự cũng liên quan đến chi phí, do đó phải thật hiệu quả.

*** Ông Trần Hồng Quang (Mã cổ đông 472):**

- Đối với ý kiến của anh Khánh, tôi hoàn toàn đồng ý, nếu cần có thể kiện toàn bổ nhiệm ngay Kế toán trưởng.

- Tôi cũng đề nghị các bộ phận nghiệp vụ Công ty khi nào hoàn tất các thủ tục của Quỹ đầu tư phát triển thì báo cáo cho HĐQT cũng như cho tôi được biết.

*** Ông Nguyễn Đình Chung (Đại diện cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP):**

- Luật doanh nghiệp năm 2020, Thêm một (1) nội dung là doanh nghiệp nhà nước chiếm 51% trở lên vẫn thuộc doanh nghiệp nhà nước và phần vốn chúng tôi là đại diện cho doanh nghiệp nhà nước phải tuân thủ theo các quy định, ví dụ luật 69/2014/QH13 rồi các nghị định bổ sung. Thật ra chính các vị cổ đông ở đây phải thay đổi, thay đổi trong điều lệ.

- Quỹ đầu tư phát triển phải thông qua ĐHĐCĐ mà chúng tôi đồng ý sử dụng quỹ này rồi thì mới trình lên vì chúng tôi vẫn nắm 51.05% và phải bảo vệ quyền lợi cho cổ đông Nhà nước; các khoản về Quỹ khen thưởng phúc lợi thì chính các cổ đông ở đây cũng là người lao động thì phải bảo vệ quyền lợi cho người lao động vì vốn của doanh nghiệp nhà nước cũng là vốn được tích lũy từ người lao động cho nên tại sao Quỹ khen thưởng phúc lợi vẫn phải trích để dự phòng. Ví dụ như giai đoạn Covid-19 vừa qua không có quỹ này thì cuộc sống người lao động sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

- Các nội dung bổ nhiệm thì chúng tôi sẽ tiếp thu, bên cạnh đó Chủ tịch HĐQT phải triển khai và chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp xin ý kiến trình và báo cáo.

V. ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC TỜ TRÌNH:

Hội đồng quản trị đã trình bày với Đại hội các tờ trình thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để xem xét và thảo luận thông qua. Để giảm bớt thủ tục, ông Đỗ Tiến Đức – Chủ tịch HĐQT đề nghị Đại hội thông qua các Tờ trình bằng phương thức biểu quyết. Đề nghị Đại hội cho ý kiến.

Đại hội nhất trí thông qua các Tờ trình bằng phương thức biểu quyết với tỷ lệ chấp thuận là 100%.

1. Thông qua Báo cáo Thường niên, Báo cáo Tài chính năm 2020.

1.1. Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (Báo cáo tài chính kiểm toán chi tiết đã được in trong Báo cáo thường niên năm 2020).

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020
1	Tổng Doanh thu	1.037.087.768.248
2	Lợi nhuận trước thuế	42.254.086.861
3	Lợi nhuận sau thuế	36.956.167.659
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.622

1.2. Báo cáo Thường niên năm 2020.

*** Kết quả biểu quyết như sau:**

- Số phiếu đồng ý : 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Số phiếu không đồng ý : không có.
- Số phiếu có ý kiến khác : không có.

22 Thông qua phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020; Kế hoạch SXKD, Đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2021.

2.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020
1	Cổ tức (*)	42.289.458.000
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.695.616.766
3	Quỹ thưởng Người quản lý (**)	162.000.000

(*) Cổ tức: trong đó

- Cổ tức năm 2019: 15% vốn điều lệ.
- Cổ tức năm 2020: 15% vốn điều lệ.

(**) Quỹ thưởng Người quản lý năm 2020: thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội.

*** Kết quả biểu quyết như sau:**

- Số phiếu đồng ý : 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Số phiếu không đồng ý : không có.
- Số phiếu có ý kiến khác : không có.

2.2. Kế hoạch SXKD, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

2.2.1. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021
1	Tổng Doanh thu	958.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	31.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	24.800.000.000
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	1.484
5	Lợi nhuận được phân phối	24.800.000.000

- Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2021: sẽ căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2021. Đối với cổ tức, trong trường hợp Công ty đạt được lợi nhuận trước thuế năm 2021 bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì cổ tức năm 2021 không thấp hơn mức 10% vốn điều lệ.

2.2.2. Kế hoạch đầu tư năm 2021:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	Kế hoạch đầu tư		18,803		
	Đầu tư XDCB		9,416		
	Mua sắm trang thiết bị		9,387		
A	Dự án chuyển tiếp từ năm trước		5,400		
I	Dự án đầu tư XDCB		5,400		
	VOSA Quảng Ninh				
1	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng nhà kho, điện bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	Sửa chữa thay thế	1,200	Vốn tự có	2021
2	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	Sửa chữa cải tạo	1,500	Vốn tự có	2021
3	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, cổng số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	Xây mới	2,700	Vốn tự có	2021
B	Dự án đầu tư mới 2021		13,403		
I	Dự án đầu tư XDCB		4,016		
	VOSA Quảng Ninh				
1	Thay thế băng tải B1200, gầu tải và hệ thống điện điều khiển nhà kho 1A.	Sửa chữa thay thế hư hỏng trong quá trình vận hành khai thác.	2,212	Vốn tự có	2021
2	Sửa chữa mặt sân bê tông khu kho bãi Cái Lân	Sửa chữa hư hỏng trong quá trình khai thác	554	Vốn tự có	2021
3	Sửa chữa mái sảnh, cấp thoát nước nhà văn phòng, mái sảnh hội trường và biển hiệu VOSA QN	Sửa chữa cải tạo do đã xuống cấp hư hỏng theo thời gian	250	Vốn tự có	2021
	NORTHFREIGHT				
4	Dự án xây dựng tường rào ngăn bãi	Cổng rào, Hàng rào di động dài 360m cao 2,2m làm bằng thép hộp và thép góc	300	Vốn tự có	2021
5	Dự án sửa chữa, sơn lại toà nhà văn phòng và nhà kho số 1	Chống thấm, xử lý tường cũ, sơn tường khoản 3.500 m ² . Sơn cửa khoản 200 m ²	300	Vốn tự có	2021

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	SAMTRA				
6	Dự án sửa nhà văn phòng Samtra	Nhà 3 tầng trên diện tích đất 75m ² đã nứt tường xuống cấp. Sửa chữa gia cố cột, sơn tường, lát gạch bị bong tróc.	400	Vốn tự có	2021
II	Dự án mua sắm thiết bị		9,387		
1	Xe chở khách hiệu Hyundai County 29 chỗ ngồi - thân dài do Hyundai Thành Công lắp ráp	Đầu tư mới	1,387	Vốn tự có	2021
2	Dự án mua xe vận tải (xe sơ mi)	5 xe đầu kéo + mooc	8,000	Vốn tự có	2021

*** Kết quả biểu quyết như sau:**

- Số phiếu đồng ý : 43 phiếu, đại diện cho 8.179.492 cổ phần biểu quyết, chiếm tỷ lệ 63,58% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số phiếu không đồng ý : 07 phiếu, đại diện cho 4.686.313 cổ phần biểu quyết, chiếm tỷ lệ 36,42% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số phiếu có ý kiến khác : 0 phiếu.

3. Thông qua Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao, Quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý chuyên trách và Người PTQT Công ty.

3.1. Thực hiện năm 2020:

3.1.1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Người quản lý chuyên trách (gồm 03 người: Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm hưởng lương chuyên trách):

- Mức tiền lương bình quân thực hiện: 36.000.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ tiền lương thực hiện: 1.296.000.000 đồng.

3.1.2. Quỹ thù lao thực hiện năm 2020:

* Hội đồng quản trị: 07 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 7.200.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao thực hiện: 518.400.000 đồng.

+ Trong đó: 01 thành viên hưởng lương chuyên trách nên không hưởng thù lao.

* Ban kiểm soát: 03 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 4.800.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao thực hiện: 163.200.000 đồng.

+ Trong đó: 01 thành viên chỉ tham gia 10 tháng.

* Người PTQT Công ty: 01 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 3.200.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao thực hiện: 38.400.000 đồng.

3.1.3. Quỹ tiền thưởng của Người quản lý Công ty năm 2020: 162.000.000 đồng.

Thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội.

*** Kết quả biểu quyết như sau:**

- Số phiếu đồng ý : 43 phiếu, đại diện cho 8.179.492 cổ phần biểu quyết, chiếm tỷ lệ 63,58% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không đồng ý : 07 phiếu, đại diện cho 4.686.313 cổ phần biểu quyết, chiếm tỷ lệ 36,42% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu có ý kiến khác : 0 phiếu.

3.2. Kế hoạch năm 2021:

1. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của Người quản lý chuyên trách (gồm 03 người: Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm hưởng lương chuyên trách):

- Mức tiền lương bình quân thực hiện: 36.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền lương thực hiện: 1.296.000.000 đồng.

2. Quỹ thù lao kế hoạch năm 2021:

* Hội đồng quản trị: 07 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 7.200.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 518.400.000 đồng.

+ Trong đó: 01 thành viên hưởng lương chuyên trách nên không hưởng thù lao.

* Ban kiểm soát: 03 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 4.800.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 172.800.000 đồng.

* Người PTQT Công ty: 01 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 3.200.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 38.400.000 đồng.

*** Kết quả biểu quyết như sau:**

- Số phiếu đồng ý : 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số phiếu không đồng ý : không có.

- Số phiếu có ý kiến khác : không có.

4. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4.1. Sửa đổi Điều lệ Công ty (theo dự thảo đính kèm), trong đó: bổ sung, lược bỏ, sửa đổi chi tiết mã, ngành nghề kinh doanh dưới đây vào Điều 4 của Điều lệ và danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty, như sau:

TT	Nội dung	
I	Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:	
1	Sửa chữa máy móc, thiết bị (3312) Chi tiết: Sửa chữa container.	
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290) Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	
II	Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:	
	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Đại lý, môi giới, đấu giá (4610)	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (4610)
2	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (4661) Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas).	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (4661) Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas). Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác.
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải; - Nhập khẩu tàu cũ để phá vỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở); - Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, hàng triền lãm; - Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hàng tiêu dùng; - Xuất nhập khẩu, mua bán hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); - Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm phân bón các loại; - Mua bán các loại bao bì; - Mua bán container; - Mua bán than.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải; - Nhập khẩu tàu cũ để phá vỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở); - Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, rượu, thuốc lá, cigar, lá thuốc lá, hàng bách hóa ; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, hàng triền lãm; - Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hàng tiêu dùng; - Xuất nhập khẩu, mua bán hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); - Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm phân bón các loại; - Mua bán các loại bao bì; - Mua bán container;

TT	Nội dung	
4	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; - Môi giới và dịch vụ hàng hải; - Đại lý tàu biển và đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan); - Dịch vụ cung ứng tàu biển; - Đại lý bán vé máy bay; - Vận tải đa phương thức quốc tế; - Dịch vụ lai dắt tàu biển; - Dịch vụ logistics; - Kinh doanh vận tải biển; - Dịch vụ khai thuê hải quan. 	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm đếm hàng hóa; - Giao nhận hàng hóa; - Môi giới thuê tàu; - Đại lý tàu biển; - Đại lý vận tải; - Dịch vụ hàng hải; - Dịch vụ cung ứng tàu biển (cung ứng nhiên liệu, thiết bị, lương thực, thực phẩm, nước ngọt, thu xếp đưa đón, thủ tục xuất nhập cảnh thuyền viên, thu xếp đưa thuyền viên khám chữa bệnh...); - Đại lý bán vé máy bay; - Vận tải đa phương thức quốc tế; - Dịch vụ lai dắt tàu biển; - Dịch vụ logistics; - Dịch vụ khai thuê Hải quan.
5	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). 	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
6	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (7730)</p> <p>Chi tiết: Cho thuê container.</p>	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (7730)</p> <p>Chi tiết: Cho thuê container.</p>
7	<p>Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (8129)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ vệ sinh tàu biển. 	<p>Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (8129)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ vệ sinh tàu biển; - Dịch vụ vệ sinh container.
III	Bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau:	
1	<p>Sửa chữa thiết bị khác (3319)</p> <p>Chi tiết: Sửa chữa container.</p>	
2	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4299)</p>	
3	<p>Bán buôn tổng hợp (4690)</p> <p>Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.</p>	
4	<p>Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương (5012)</p>	

TT	Nội dung
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (5210) Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan. - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan). - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222). Chi tiết: - Giám định tình trạng tàu (thân, vỏ, máy ...) trước khi bàn giao cho thuê, nhận lại, bàn giao mới...; - Giám định nhiên liệu trên tàu và cấp nhiên liệu cho tàu; - Giám định khả năng đi biển của tàu; - Giám định vệ sinh, sạch sẽ hầm hàng, kiểm tra kín nước và niêm phong hầm hàng; - Giám định khối lượng hàng hoá chuyên chở bằng đường biển thông qua đo mớn nước; - Giám định tổn thất hàng hoá chuyên chở trên tàu; đắm va trên biển của tàu; - Giám sát quá trình xếp dỡ hàng hoá trên tàu.

4.2. Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (theo dự thảo đính kèm);

4.3. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (theo dự thảo đính kèm);

4.4. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (theo dự thảo đính kèm).

*** Kết quả biểu quyết như sau:**

- Số phiếu đồng ý : 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Số phiếu không đồng ý : không có.
- Số phiếu có ý kiến khác : không có.

5. Thông qua kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021.

- Giao cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán dưới đây (sau khi tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát Công ty) thực hiện việc soát xét BCTC 06 tháng và kiểm toán BCTC năm 2021 cho Công ty.

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH KPMG (Việt Nam);
3. Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

*** Kết quả biểu quyết như sau:**

- Số phiếu đồng ý : 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Số phiếu không đồng ý : không có.
- Số phiếu có ý kiến khác : không có.

VI. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021:

- Ông Trần Duy Đức, thay mặt Ban thư ký đọc toàn văn Dự thảo Biên Bản và Nghị quyết Đại hội.

*** Kết quả biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội như sau:**

- Số phiếu đồng ý : 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Số phiếu không đồng ý : không có.
- Số phiếu có ý kiến khác : không có.

- Ông Đỗ Tiến Đức, Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa tuyên bố kết thúc Đại hội.
- Đại hội kết thúc lúc 12h15 cùng ngày.
- Biên bản được lập thành 03 bản.

TM. BAN THƯ KÝ



Trần Duy Đức

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI



Đỗ Tiến Đức

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 23/06/2020;

- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 27/04/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo Thường niên, Báo cáo Tài chính năm 2020.

1. Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (Báo cáo tài chính kiểm toán chi tiết đã được in trong Báo cáo thường niên năm 2020).

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020
1	Tổng Doanh thu	1.037.087.768.248
2	Lợi nhuận trước thuế	42.254.086.861
3	Lợi nhuận sau thuế	36.956.167.659
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.622

2. Báo cáo Thường niên năm 2020.

Điều 2: Thông qua phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020; Kế hoạch SXKD, Đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2021.

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020
1	Cổ tức (*)	42.289.458.000
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.695.616.766
3	Quỹ thưởng Người quản lý (**)	162.000.000

(*) Cổ tức: trong đó

- Cổ tức năm 2019: 15% vốn điều lệ.

- Cổ tức năm 2020: 15% vốn điều lệ.

(**) Quỹ thưởng Người quản lý năm 2020: thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội.

2. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021
1	Tổng Doanh thu	958.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	31.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	24.800.000.000
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	1.484
5	Lợi nhuận được phân phối	24.800.000.000

- Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2021: sẽ căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2021. Đối với cổ tức, trong trường hợp Công ty đạt được lợi nhuận trước thuế năm 2021 bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì cổ tức năm 2021 không thấp hơn mức 10% vốn điều lệ.

3. Kế hoạch đầu tư năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	Kế hoạch đầu tư		18,803		
	Đầu tư XD CB		9,416		
	Mua sắm trang thiết bị		9,387		
A	Dự án chuyển tiếp từ năm trước		5,400		
I	Dự án đầu tư XD CB		5,400		
	VOSA Quảng Ninh				
1	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng nhà kho, điện bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	Sửa chữa thay thế	1,200	Vốn tự có	2021
2	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	Sửa chữa cải tạo	1,500	Vốn tự có	2021
3	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	Xây mới	2,700	Vốn tự có	2021
B	Dự án đầu tư mới 2021		13,403		
I	Dự án đầu tư XD CB		4,016		

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
VOSA Quảng Ninh					
1	Thay thế băng tải B1200, gầu tải và hệ thống điện điều khiển nhà kho 1A.	Sửa chữa thay thế hư hỏng trong quá trình vận hành khai thác.	2,212	Vốn tự có	2021
2	Sửa chữa mặt sân bê tông khu kho bãi Cái Lân	Sửa chữa hư hỏng trong quá trình khai thác	554	Vốn tự có	2021
3	Sửa chữa mái sảnh, cấp thoát nước nhà văn phòng, mái sảnh hội trường và biển hiệu VOSA QN	Sửa chữa cải tạo do đã xuống cấp hư hỏng theo thời gian	250	Vốn tự có	2021
NORTHFREIGHT					
4	Dự án xây dựng tường rào ngăn bãi	Cổng rào, Hàng rào di động dài 360m cao 2,2m làm bằng thép hộp và thép góc.	300	Vốn tự có	2021
5	Dự án sửa chữa, sơn lại toà nhà văn phòng và nhà kho số 1	Chống thấm, xử lý tường cũ, sơn tường khoản 3.500 m ² . Sơn cửa khoản 200 m ²	300	Vốn tự có	2021
SAMTRA					
6	Dự án sửa nhà văn phòng Samtra	Nhà 3 tầng trên diện tích đất 75m ² đã nứt tường xuống cấp. Sửa chữa gia cố cột, sơn tường, lát gạch bị bong tróc.	400	Vốn tự có	2021
II	Dự án mua sắm thiết bị		9,387		
1	Xe chở khách hiệu Hyundai County 29 chỗ ngồi - thân dài do Hyundai Thành Công lắp ráp	Đầu tư mới	1,387	Vốn tự có	2021
2	Dự án mua xe vận tải (xe sơ mi)	5 xe đầu kéo + mooc	8,000	Vốn tự có	2021

Điều 3: Thông qua Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao, Quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý chuyên trách và Người PTQT Công ty.

3.1. Thực hiện năm 2020 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020:

3.1.1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Người quản lý chuyên trách (gồm 03 người: Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm hương lương chuyên trách):

- Mức tiền lương bình quân thực hiện: 36.000.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ tiền lương thực hiện: 1.296.000.000 đồng.

3.1.2. Quỹ thù lao thực hiện năm 2020:

* Hội đồng quản trị: 07 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 7.200.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 518.400.000 đồng.

+ Trong đó: 01 thành viên hưởng lương chuyên trách nên không hưởng thù lao.

* Ban kiểm soát: 03 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 4.800.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 163.200.000 đồng.

+ Trong đó: 01 thành viên chỉ tham gia 10 tháng.

* Người PTQT Công ty: 01 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 3.200.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 38.400.000 đồng.

3.1.3. Quỹ tiền thưởng của Người quản lý Công ty năm 2020: 162.000.000 đồng.

Thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội.

3.2. Kế hoạch năm 2021:

3.2.1. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của Người quản lý chuyên trách (gồm 03 người: Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm hưởng lương chuyên trách):

- Mức tiền lương bình quân thực hiện: 36.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền lương thực hiện: 1.296.000.000 đồng.

3.2.2. Quỹ thù lao kế hoạch năm 2021:

* Hội đồng quản trị: 07 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 7.200.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 518.400.000 đồng.

+ Trong đó: 01 thành viên hưởng lương chuyên trách nên không hưởng thù lao.

* Ban kiểm soát: 03 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 4.800.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 172.800.000 đồng.

* Người PTQT Công ty: 01 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 3.200.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 38.400.000 đồng.

Điều 4: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Sửa đổi Điều lệ Công ty (theo dự thảo đính kèm), trong đó: bổ sung, lược bỏ, sửa đổi chi tiết mã, ngành nghề kinh doanh dưới đây vào Điều 4 của Điều lệ và danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty, như sau:

TT	Nội dung	
I	Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:	
1	Sửa chữa máy móc, thiết bị (3312) Chi tiết: Sửa chữa container.	
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290) Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	
II	Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:	
	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Đại lý, môi giới, đấu giá (4610)	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (4610)
TT	Nội dung	
2	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (4661) Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas).	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (4661) Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas). Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác.
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải; - Nhập khẩu tàu cũ để phá vỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở); - Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, hàng triền lãm; - Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hàng tiêu dùng; - Xuất nhập khẩu, mua bán hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); - Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm phân bón các loại; - Mua bán các loại bao bì; - Mua bán container; - Mua bán than.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải; - Nhập khẩu tàu cũ để phá vỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở); - Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, rượu, thuốc lá, cigar, lá thuốc lá, hàng bách hóa ; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, hàng triền lãm; - Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hàng tiêu dùng; - Xuất nhập khẩu, mua bán hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); - Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm phân bón các loại; - Mua bán các loại bao bì; - Mua bán container;

TT	Nội dung	
4	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; - Môi giới và dịch vụ hàng hải; - Đại lý tàu biển và đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan); - Dịch vụ cung ứng tàu biển; - Đại lý bán vé máy bay; - Vận tải đa phương thức quốc tế; - Dịch vụ lai dắt tàu biển; - Dịch vụ logistics; - Kinh doanh vận tải biển; - Dịch vụ khai thuê hải quan. 	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm đếm hàng hóa; - Giao nhận hàng hóa; - Môi giới thuê tàu; - Đại lý tàu biển; - Đại lý vận tải; - Dịch vụ hàng hải; - Dịch vụ cung ứng tàu biển (cung ứng nhiên liệu, thiết bị, lương thực, thực phẩm, nước ngọt, thu xếp đưa đón, thủ tục xuất nhập cảnh thuyền viên, thu xếp đưa thuyền viên khám chữa bệnh...); - Đại lý bán vé máy bay; - Vận tải đa phương thức quốc tế; - Dịch vụ lai dắt tàu biển; - Dịch vụ logistics; - Dịch vụ khai thuê Hải quan.
5	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). 	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
6	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (7730)</p> <p>Chi tiết: Cho thuê container.</p>	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (7730)</p> <p>Chi tiết: Cho thuê container.</p>
7	<p>Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (8129)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ vệ sinh tàu biển. 	<p>Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (8129)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ vệ sinh tàu biển; - Dịch vụ vệ sinh container.
III	Bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau:	
1	<p>Sửa chữa thiết bị khác (3319)</p> <p>Chi tiết: Sửa chữa container.</p>	
2	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4299)</p>	
3	<p>Bán buôn tổng hợp (4690)</p> <p>Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.</p>	
4	<p>Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương (5012)</p>	

TT	Nội dung
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (5210) Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan. - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan). - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222). Chi tiết: - Giám định tình trạng tàu (thân, vỏ, máy ...) trước khi bàn giao cho thuê, nhận lại, bàn giao mới...; - Giám định nhiên liệu trên tàu và cấp nhiên liệu cho tàu; - Giám định khả năng đi biển của tàu; - Giám định vệ sinh, sạch sẽ hầm hàng, kiểm tra kín nước và niêm phong hầm hàng; - Giám định khối lượng hàng hoá chuyên chở bằng đường biển thông qua đo mớn nước; - Giám định tổn thất hàng hoá chuyên chở trên tàu; đắm va trên biển của tàu; - Giám sát quá trình xếp dỡ hàng hoá trên tàu.

2. Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (theo dự thảo đính kèm);
3. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (theo dự thảo đính kèm);
4. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (theo dự thảo đính kèm).

Điều 5: Thông qua kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021.

- Giao cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán dưới đây (sau khi tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát Công ty) thực hiện việc soát xét BCTC 06 tháng và kiểm toán BCTC năm 2021 cho Công ty.

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH KPMG (Việt Nam);
3. Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Điều 6 : Tổ chức thực hiện.

- Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhất trí thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày **27/04/2021**.

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty căn cứ nội dung Nghị quyết này triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Các cổ đông VOSA;
- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (b/c);
- Tổng công ty HHVN (b/c);
- Thành viên HĐQT, BKS Cty;
- Ban điều hành Cty;
- Lưu: VTLT, HĐQT, TĐĐ (01).

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**



Đỗ Tiên Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

VOSA CORPORATION



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM
VOSA CORPORATION

Lầu 5, số 12 Tân Trào, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 028. 54161820 – 54161822 / Fax: 028. 54161823 – 54161824
Email: hr.vsa@vosagroup.com Website: www.vosa.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Thứ Ba - Ngày 27/04/2021

TT	NỘI DUNG	NGƯỜI TRÌNH BÀY	THỜI GIAN
1	Đón khách và các cổ đông làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.		07 ^H 30 - 08 ^H 15
2	Công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự. Khai mạc Đại hội, giới thiệu đại biểu.	Ban kiểm tra tư cách	08 ^H 15 - 08 ^H 30
3	Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa và thư ký Đại hội.	MC Đại hội	08 ^H 30 - 08 ^H 35
4	Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình của Đại hội.	TV HĐQT: Nguyễn Bích Thảo	08 ^H 35 - 08 ^H 40
5	Báo cáo đánh giá về quản trị, kết quả hoạt động năm 2020 của HĐQT và phương hướng năm 2021.	Chủ tịch HĐQT	08 ^H 40 - 08 ^H 50
6	Báo cáo Kết quả SXKD, Báo cáo tài chính năm 2020 & Kế hoạch SXKD năm 2021.	Tổng Giám đốc	08 ^H 50 - 09 ^H 10
7	Báo cáo kết quả kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2020.	Tổng Giám đốc	09 ^H 10 - 09 ^H 20
8	Báo cáo của Ban kiểm soát.	Trưởng BKS	09 ^H 20 - 09 ^H 30
9	Phát biểu của Đại diện lãnh đạo VIMC.		09 ^H 30 - 09 ^H 45
10	Trình bày các tờ trình Đại hội: ○ Tờ trình v/v Thông qua Báo cáo Thường niên, Báo cáo Tài chính năm 2020. ○ Tờ trình v/v Phân phối lợi nhuận năm 2020; Kế hoạch SXKD, Đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2021. ○ Tờ trình v/v Thông qua Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao, Quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 cho các thành viên HĐQT, BKS, Người quản lý chuyên trách và Người PTQT Cty. ○ Tờ trình v/v Sửa đổi Điều lệ Công ty (bao gồm: Bổ sung, lược bỏ, sửa đổi chi tiết mã, ngành nghề kinh doanh), Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. ○ Tờ trình v/v Kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021.	TV HĐQT: Nguyễn Bích Thảo Chủ tịch HĐQT Trưởng BKS	09 ^H 45 - 10 ^H 00

TT	NỘI DUNG	NGƯỜI TRÌNH BÀY	THỜI GIAN
11	Đại hội nghỉ giải lao.		10 ^H 00 - 10 ^H 15
12	Đại hội thảo luận đóng góp ý kiến.		10 ^H 15 - 10 ^H 45
13	<p>Chủ tịch Đoàn tiếp thu ý kiến và Đại hội biểu quyết thông qua các tờ trình đã trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Tờ trình v/v Thông qua Báo cáo Thường niên, Báo cáo Tài chính năm 2020. ○ Tờ trình v/v Phân phối lợi nhuận năm 2020; Kế hoạch SXKD, Đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2021. ○ Tờ trình v/v Thông qua Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao, Quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 cho các thành viên HĐQT, BKS, Người quản lý chuyên trách và Người PTQT Cty. ○ Tờ trình v/v Sửa đổi Điều lệ Công ty (<i>bao gồm: Bổ sung, lược bỏ, sửa đổi chi tiết mã, ngành nghề kinh doanh</i>), Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. ○ Tờ trình v/v Kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021. 	Chủ tịch HĐQT	10 ^H 45 - 11 ^H 15
14	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.	Thư ký Đại hội	11 ^H 15 - 11 ^H 25
15	Bế mạc Đại hội.		11 ^H 25 - 11 ^H 30



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM NĂM 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 23/06/2020.

Hội đồng Quản trị Công ty dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA).

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 29/03/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản (theo mẫu của Công ty);

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Ăn mặc lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

đ) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

e) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

4.1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và bốn (04) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu.

4.3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo cho chủ tọa Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

4.6. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, các biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội, Tổng Giám đốc Công ty và Trưởng Ban kiểm soát.

5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc
- c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.7. Có quyền yêu cầu những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội ra khỏi phòng họp ĐHĐCĐ.

5.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội, mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 6.1 Điều này thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản và Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 8. Thông qua quyết định của Đại hội

8.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- c) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- d) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

8.2. Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

8.3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 9. Phiếu biểu quyết:

9.1. Phiếu biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm phiếu phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết được ghi mã số, họ tên cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

9.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 10. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thực hiện bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Tán thành/ Không tán thành/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Phiếu biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 03 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến: nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá năm (05) phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 12. Biên bản Đại hội

12.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

12.2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

12.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

12.4. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội phải được công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Điều 13. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị dự thảo Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua.

Điều 14. Hiệu lực thi hành của Quy chế

14.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bốn (14) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

14.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Đỗ Tiến Đức

Số: 142 /TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

“V/v thông qua Báo cáo Thường niên, Báo cáo Tài chính năm 2020”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 23/06/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2021/NQ-TH/HĐQT của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 22/04/2021.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua:

1. Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (*Báo cáo tài chính kiểm toán chi tiết đã được in trong Báo cáo thường niên năm 2020*).

2. Báo cáo Thường niên năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Đỗ Tiến Đức

Số: 143 /TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

“V/v phân phối lợi nhuận năm 2020;

Kế hoạch SXKD, Đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2021”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 23/06/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2021/NQ-TH/HĐQT của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 22/04/2021.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	KH 2020	Tỷ lệ PP	Thực hiện 2020	Tỷ lệ PP
1	Tổng Doanh thu	843.000.000.000		1.037.087.768.248	
2	Lợi nhuận trước thuế	42.000.000.000		42.254.086.861	
3	Lợi nhuận sau thuế	36.200.000.000		36.956.167.659	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.234		2.622	
5	Lợi nhuận được phân phối	-	-	36.956.167.659	
6	Cổ tức (*)	-	-	42.289.458.000	30% VDL
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	3.695.616.766	10%
8	Quỹ thưởng Người quản lý (**)	-	-	162.000.000	0,4%

(*) Cổ tức: trong đó

- Cổ tức năm 2019: 15% vốn điều lệ.

- Cổ tức năm 2020: 15% vốn điều lệ.

(**) Quỹ thưởng Người quản lý năm 2020: thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội.

2. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Tỷ lệ PP	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ PP
1	Tổng Doanh thu	1.037.087.768.248		958.000.000.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	42.254.086.861		31.000.000.000	
3	Lợi nhuận sau thuế	36.956.167.659		24.800.000.000	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.622		1.484	
5	Lợi nhuận được phân phối	36.956.167.659		24.800.000.000	
6	Cổ tức (bằng tiền mặt)	42.289.458.000	30% VDL	-	-
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.695.616.766	10%	-	-
8	Quỹ thưởng Người quản lý	162.000.000	0,4%	-	-

- Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2021: sẽ căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2021. Đối với cổ tức, trong trường hợp Công ty đạt được lợi nhuận trước thuế năm 2021 bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì cổ tức năm 2021 không thấp hơn mức 10% vốn điều lệ.

3. Kế hoạch đầu tư năm 2021 như sau:

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	Kế hoạch đầu tư		18,803		
	Đầu tư XD CB		9,416		
	Mua sắm trang thiết bị		9,387		
A	Dự án chuyển tiếp từ năm trước		5,400		
I	Dự án đầu tư XD CB		5,400		
	VOSA Quảng Ninh				
1	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng nhà kho, điện bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	Sửa chữa thay thế	1,200	Vốn tự có	2021
2	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	Sửa chữa cải tạo	1,500	Vốn tự có	2021
3	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân DT 80T và nhà bảo vệ	Xây mới	2,700	Vốn tự có	2021
B	Dự án đầu tư mới 2021		13,403		
I	Dự án đầu tư XD CB		4,016		
	VOSA Quảng Ninh				
1	Thay thế băng tải B1200, gầu tải và hệ thống điện điều khiển nhà kho 1A.	Sửa chữa thay thế hư hỏng trong quá trình vận hành khai thác.	2,212	Vốn tự có	2021
2	Sửa chữa mặt sân bê tông khu kho bãi Cái Lân	Sửa chữa hư hỏng trong quá trình khai thác	554	Vốn tự có	2021
3	Sửa chữa mái sảnh, cấp thoát nước nhà văn phòng, mái sảnh hội trường và biển hiệu VOSA QN	Sửa chữa cải tạo do đã xuống cấp hư hỏng theo thời gian	250	Vốn tự có	2021

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	NORTHFREIGHT				
4	Dự án xây dựng tường rào ngăn bãi	Cổng rào, Hàng rào di động dài 360m cao 2,2m làm bằng thép hộp và thép góc.	300	Vốn tự có	2021
5	Dự án sửa chữa, sơn lại toà nhà văn phòng và nhà kho số 1	Chống thấm, xử lý tường cũ, sơn tường khoản 3.500 m ² . Sơn cửa khoản 200 m ²	300	Vốn tự có	2021
	SAMTRA				
6	Dự án sửa nhà văn phòng Samtra	Nhà 3 tầng trên diện tích đất 75m ² đã nứt tường xuống cấp. Sửa chữa gia cố cột, sơn tường, lát gạch bị bong tróc.	400	Vốn tự có	2021
II	Dự án mua sắm thiết bị		9,387		
1	Xe chở khách hiệu Hyundai County 29 chỗ ngồi - thân dài do Hyundai Thành Công lắp ráp	Đầu tư mới	1,387	Vốn tự có	2021
2	Dự án mua xe vận tải (xe sơ mi)	5 xe đầu kéo + mooc	8,000	Vốn tự có	2021

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Đỗ Tiến Đức

Số: 144 /TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

“V/v thông qua Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao, Quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý chuyên trách và Người PTQT Công ty”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 23/06/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2021/NQ-TH/HĐQT của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 22/04/2021.

Để đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc điều hành và giám sát quá trình hoạt động SXKD Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét phê duyệt Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao, Quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý chuyên trách và Người phụ trách quản trị Công ty như sau:

I. Thực hiện năm 2020 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020:

1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Người quản lý chuyên trách (gồm 03 người: Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm hưởng lương chuyên trách):

- Mức tiền lương bình quân thực hiện: 36.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền lương thực hiện: 1.296.000.000 đồng.

2. Quỹ thù lao thực hiện năm 2020:

* Hội đồng quản trị: 07 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 7.200.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 518.400.000 đồng.

+ Trong đó: 01 thành viên hưởng lương chuyên trách nên không hưởng thù lao.

* Ban kiểm soát: 03 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 4.800.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thực hiện: 163.200.000 đồng.
- + Trong đó: 01 thành viên chỉ tham gia 10 tháng.
- * Người PTQT Công ty: 01 người.
- Mức thù lao bình quân thực hiện: 3.200.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao thực hiện: 38.400.000 đồng.

3. Quỹ tiền thưởng của Người quản lý Công ty năm 2020: 162.000.000 đồng.

Thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội.

II. Kế hoạch năm 2021:

1. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của Người quản lý chuyên trách (gồm 03 người: Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm hưởng lương chuyên trách):

- Mức tiền lương bình quân thực hiện: 36.000.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ tiền lương thực hiện: 1.296.000.000 đồng.

2. Quỹ thù lao kế hoạch năm 2021:

* Hội đồng quản trị: 07 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 7.200.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao thực hiện: 518.400.000 đồng.

+ Trong đó: 01 thành viên hưởng lương chuyên trách nên không hưởng thù lao.

* Ban kiểm soát: 03 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 4.800.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao thực hiện: 172.800.000 đồng.

* Người PTQT Công ty: 01 người.

- Mức thù lao bình quân thực hiện: 3.200.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao thực hiện: 38.400.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Đỗ Tiến Đức

Số: 145 /TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

***“V/v sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty,
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát”***

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 23/06/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2021/NQ-TH/HĐQT của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 22/04/2021.

Để hoạt động của Công ty tuân thủ theo các Quy định và phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các cổ đông cũng như phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi:

1. Điều lệ Công ty: theo dự thảo đính kèm.

Trong đó: bổ sung, lược bỏ, sửa đổi chi tiết mã, ngành nghề kinh doanh dưới đây vào Điều 4 của Điều lệ và danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty, như sau:

TT	Nội dung	
I	Bổ ngành, nghề kinh doanh sau:	
1	Sửa chữa máy móc, thiết bị (3312) Chi tiết: Sửa chữa container.	
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290) Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	
II	Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:	
	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Đại lý, môi giới, đấu giá (4610)	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (4610)

TT	Nội dung	
2	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (4661) Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas).	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (4661) Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas). Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác.
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải; - Nhập khẩu tàu cũ để phá vỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở); - Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, hàng triển lãm; - Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hàng tiêu dùng; - Xuất nhập khẩu, mua bán hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); - Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm phân bón các loại; - Mua bán các loại bao bì; - Mua bán container; - Mua bán than.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải; - Nhập khẩu tàu cũ để phá vỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở); - Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, rượu, thuốc lá, cigar, lá thuốc lá, hàng bách hóa ; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, hàng triển lãm; - Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hàng tiêu dùng; - Xuất nhập khẩu, mua bán hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); - Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm phân bón các loại; - Mua bán các loại bao bì; - Mua bán container;
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229) Chi tiết: - Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; - Môi giới và dịch vụ hàng hải; - Đại lý tàu biển và đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan); - Dịch vụ cung ứng tàu biển; - Đại lý bán vé máy bay; - Vận tải đa phương thức quốc tế; - Dịch vụ lai dắt tàu biển; - Dịch vụ logistics; - Kinh doanh vận tải biển; - Dịch vụ khai thuê hải quan.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229) Chi tiết: - Kiểm đếm hàng hóa; - Giao nhận hàng hóa; - Môi giới thuê tàu; - Đại lý tàu biển; - Đại lý vận tải; - Dịch vụ hàng hải; - Dịch vụ cung ứng tàu biển (cung ứng nhiên liệu, thiết bị, lương thực, thực phẩm, nước ngọt, thu xếp đưa đón, thủ tục xuất nhập cảnh thuyền viên, thu xếp đưa thuyền viên khám chữa bệnh...); - Đại lý bán vé máy bay; - Vận tải đa phương thức quốc tế; - Dịch vụ lai dắt tàu biển; - Dịch vụ logistics; - Dịch vụ khai thuê Hải quan.

TT	Nội dung	
5	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510) Chi tiết: - Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510) Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
6	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (7730) Chi tiết: Cho thuê container.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (7730) Chi tiết: Cho thuê container.
7	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (8129) Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh tàu biển.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (8129) Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh tàu biển; - Dịch vụ vệ sinh container.
III	Bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau:	
1	Sửa chữa thiết bị khác (3319) Chi tiết: Sửa chữa container.	
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4299)	
3	Bán buôn tổng hợp (4690) Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.	
4	Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương (5012)	
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (5210) Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan. - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan). - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222). Chi tiết: - Giám định tình trạng tàu (thân, vỏ, máy ...) trước khi bàn giao cho thuê, nhận lại, bàn giao mới...; - Giám định nhiên liệu trên tàu và cấp nhiên liệu cho tàu; - Giám định khả năng đi biển của tàu; - Giám định vệ sinh, sạch sẽ hầm hàng, kiểm tra kín nước và niêm phong hầm hàng; - Giám định khối lượng hàng hoá chuyên chở bằng đường biển thông qua đo mớn nước; - Giám định tổn thất hàng hoá chuyên chở trên tàu; đắm và trên biển của tàu; - Giám sát quá trình xếp dỡ hàng hoá trên tàu.	

2. Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty: theo dự thảo đính kèm.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: theo dự thảo đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Đỗ Tiến Đức

Số: 146 /TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

“V/v kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 23/06/2020;

Ban kiểm soát trân trọng kính trình Đại hội xem xét, lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021 như sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
2. Công ty TNHH KPMG (Việt Nam).
3. Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua việc giao cho HĐQT quyết định lựa chọn trong một trong các công ty kiểm toán trên đây (sau khi có ý kiến của Ban kiểm soát Công ty) thực hiện việc soát xét BCTC 06 tháng và kiểm toán BCTC năm 2021 cho Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Kính thưa Quý cổ đông!

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam xin báo cáo tới Quý cổ đông kết quả hoạt động, công tác quản trị của HĐQT Công ty trong năm 2020, kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2021, như sau:

I. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty năm 2020:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn đối với Công ty trong công tác kinh doanh, dưới sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên toàn Thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng; Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các Công ty cùng ngành nghề dịch vụ hàng hải và logistics; tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định do ảnh hưởng bởi cuộc chiến thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc kéo dài và đặc biệt là tình hình hàng hóa biên mậu Việt – Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan mặc dù đã dần khôi phục so với năm trước, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng; Đại lý liner cũng cạnh tranh khốc liệt, hãng tàu Namsung Shipping tách ra tự thành lập Công ty; phí đại lý ngày càng giảm sâu. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và ổn định được các dịch vụ cốt lõi, nhất là các dịch vụ đại lý tàu truyền thống, đại lý liner, dịch vụ logistics v.v. đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, có hiệu quả. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 2.622 đồng/cổ phần.

- Công tác quản lý tài chính dần được siết chặt, việc bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và tiếp tục hợp tác, liên doanh dài hạn.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, các phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao được người lao động tham gia sôi nổi, nhiệt tình.

- Công tác đối với xã hội và cộng đồng vẫn luôn được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động hàng ngày và công tác quản lý nói chung, đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, cũng như các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua hình thức trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất.

- Ban Tổng giám đốc hiện tại chỉ có 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc, nhưng Ban Tổng giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc điều hành công tác sản xuất kinh doanh.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2020.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021:

- Năm 2021, Đại dịch Covid-19 vẫn đang tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp và nguy hiểm, do đó dự báo nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế toàn cầu.

- Hội đồng quản trị Công ty đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng chiến lược phát triển và mục tiêu cho năm 2021 như sau:

+ Định hướng chiến lược phát triển ngành nghề đại lý hàng hải - logistics gắn với tập trung phát triển đầu tư một số dự án cảng thủy nội địa và ICD tại khu vực trung tâm sản xuất hàng hóa phía Bắc; triển khai thực hiện phương án, dự án khai thác có hiệu quả nguồn lực tài chính, nhà đất, kho bãi hiện có của Công ty và đa dạng hóa các hình thức đầu tư, kinh doanh cốt lõi.

+ Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực về đại lý hàng hải chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu SXKD kết hợp với tăng cường quản lý nhân sự, tạo nguồn và quy hoạch nguồn cán bộ kế cận có năng lực và đạo đức để Công ty phát triển ổn định.

+ Tiếp tục thực hiện mục tiêu tinh giản bộ máy (nhân sự các cấp trung gian), SXKD gọn nhẹ và hiệu quả; đồng thời tiết giảm chi phí quản lý, điều hành và SXKD; nâng cao năng lực cạnh tranh.

+ Tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo đúng tinh thần công khai, minh bạch, đáp ứng các quy định của Nhà nước đối với Công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch.

+ Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị, xã hội như: tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên ... hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Thực hiện công bố thông tin chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

II. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	1	
2	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	1	
3	Nguyễn Bích Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Tổ chức tiền lương	0,02	Thành viên không điều hành	0	
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT		Thành viên không điều hành	0	Bắt đầu từ 23/06/20
5	Trần Hồng Quang	Thành viên HĐQT	6,95	Thành viên không điều hành	2	
6	Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	1	
7	Nguyễn Thế Tiệp	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0	
8	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	1	Miễn nhiệm từ 26/06/19

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ, 02 cuộc họp bất thường và 22 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời công tác SXKD, đầu tư XDCB ... Nội dung chính của các cuộc họp và lấy ý kiến đã được trình bày chi tiết tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2020.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: tham gia đầy đủ các cuộc họp. Thực hiện nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Bích Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Tổ chức tiền lương
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT
5	Trần Hồng Quang	Thành viên HĐQT

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT về công tác quản trị và kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2021. Cuối cùng, tập thể HĐQT Công ty xin gửi đến toàn thể Quý cổ đông Công ty lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021**

Kính thưa Quý cổ đông!

Ban Tổng giám đốc (BTGD) Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam xin báo cáo tới Quý cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng hoạt động năm 2021 của BTGD, như sau:

I. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã trình lên Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 kế hoạch SXKD cho năm 2020 và đã được nhất trí thông qua, cụ thể như sau:

- + Tổng doanh thu: 843.000.000.000 đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 42.000.000.000 đồng.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2019
Tổng doanh thu	843.000	1.037.088	905.253	123%	115%
Doanh thu kinh doanh	819.000	1.013.146	878.333	124%	115%
Lợi nhuận trước thuế	42.000	42.254	42.195	101%	100%

*** Kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt kế hoạch được giao do các nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:**

- Dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng đến toàn bộ các chi nhánh và tất cả các loại hình kinh doanh của Công ty nhưng nặng nề nhất là đối với dịch vụ kho ngoại quan – tạm nhập tái xuất và dịch vụ hàng hải, du lịch.

- Chi phí thuê đất của toàn Công ty ước tăng 2,3 tỷ đồng so với năm 2019 do giá thuê đất kho bãi tại các khu vực tăng cao.

- Doanh thu tăng so với cùng kì năm trước chủ yếu do doanh thu đại lý vận tải và kho bãi tăng mạnh, tuy nhiên doanh thu đại lý vận tải tăng do cước vận tải hàng không tăng mạnh trong thời kỳ ảnh hưởng dịch Covid-19 nên doanh thu tăng cao nhưng lợi nhuận từ dịch vụ này không tăng hoặc giảm sút do cạnh tranh khó khăn hơn; doanh thu kho bãi tăng do số lượng kho thuê bên ngoài tăng thêm để phục vụ cho khách hàng nhưng không mang lại lợi nhuận hoặc rất hạn chế từ dịch vụ thuê kho mà chủ yếu để cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải liên quan nên doanh thu tăng cao nhưng lợi nhuận từ dịch vụ này tương đương cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận Công ty đạt kế hoạch được giao. Trước tình hình khó khăn dịch bệnh Covid-19, sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường, ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực tăng cường công tác tiếp thị tìm khách hàng mới, nâng cao chất lượng phục vụ góp phần đưa lợi nhuận công ty đạt kế hoạch được giao.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Ban Tổng giám đốc công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như:

+ Giải pháp khách hàng: Tăng cường cung cấp thông tin cho khách hàng, bám sát khách hàng trong mỗi dịch vụ, mỗi dự án của khách hàng;

+ Giải pháp nhân sự: Kiện toàn bộ máy nhân sự từ cấp Công ty đến các chi nhánh để tăng cường công tác quản trị và sản xuất kinh doanh.

+ Giải pháp công nghệ thông tin: Áp dụng tối đa các ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh; Tăng cường các hình thức làm việc trực tuyến (online) để đảm bảo an toàn và giảm thiểu chi phí.

+ Giải pháp tài chính: Tập trung hỗ trợ các chi nhánh cần vốn lưu động để kinh doanh để tối ưu hóa nguồn tài chính của Công ty; Đưa ra các quy định chặt chẽ đối với các chi phí trực tiếp, gián tiếp để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn, chưa cần thiết.

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

*** Những kết quả đạt được, hoạt động nổi bật:**

- Doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước do doanh thu từ đại lý vận tải hàng không tăng mạnh khi cước hàng không tăng đột biến do dịch bệnh Covid-19.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, giá cước hàng không tăng đột biến khi các hãng hàng không cắt giảm hoặc ngừng khai thác nên tình hình mua cước càng khó khăn, vốn ứng ra tăng đột biến nhưng lợi nhuận không tăng hoặc giảm do phải tăng chi phí để có được tải trên máy bay.

- Doanh thu từ dịch vụ đại lý tàu giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 khi lượng tàu đến cảng giảm, tàu phải chờ cách ly; Mặt khác, chủ tàu NYK đã yêu cầu giảm giá dịch vụ đại lý (giảm hơn 50% giá đại lý phí so với đơn giá trước) từ ngày 01/8/2020 nên doanh thu và lợi nhuận từ đại lý tàu giảm mạnh.

- Tại khu vực Hà Tĩnh, ngoài ảnh hưởng giảm sản lượng trong thời gian dịch bệnh, các tàu do chi nhánh làm đại lý chủ yếu là tàu nội địa (khoảng 80% sản lượng tàu phục vụ) với giá đại lý phí rất thấp nên dù sản lượng không giảm nhiều nhưng doanh thu vẫn sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Hãng tàu Namsung đã tách ra thành lập công ty của họ tại Việt Nam và chấm dứt hợp đồng đại lý liner với công ty từ cuối tháng 7/2019 khiến cho doanh thu và lợi nhuận từ dịch vụ đại lý liner của công ty đều sụt giảm mạnh trong năm 2020 khi chỉ còn làm đại lý liner cho hãng tàu Sinotrans Container Line (Trung Quốc) – là hãng tàu nhỏ chuyên chạy nội Á với tuyến dịch vụ ít và lịch tàu không ổn định.

- Các hãng tàu container lớn đã liên kết để tăng sức cạnh tranh và làm cho các hãng tàu nhỏ phải giảm bớt tuyến để cắt giảm chi phí. Giá đại lý phí cho tàu container ngày càng bị các chủ tàu ép xuống đến mức thấp nhất có thể nên dù sản lượng tàu tăng nhưng doanh thu vẫn chưa đủ bù đắp cho sự sụt giảm.

- Phần lớn các doanh nghiệp logistics nước ngoài đã thành lập công ty riêng của họ, chỉ để lại một số loại hình kinh doanh còn hạn chế cho các doanh nghiệp Việt Nam, các liên doanh nên sức ép cạnh tranh lên các doanh nghiệp Việt Nam sẽ ngày càng khốc liệt, cơ hội phát triển càng khó khăn.

- Các thân chủ gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên yêu cầu các đơn vị làm dịch vụ chia sẻ khó khăn bằng cách giảm giá dịch vụ, dùng nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ để ép giảm giá hoặc chỉ ký hợp đồng dịch vụ ngắn hạn. Để ký được hợp đồng dài hạn, công ty phải chấp nhận cung cấp dịch vụ với giá rất thấp để có thể thắng thầu và được chỉ định cung cấp dịch vụ.

- Một số chi nhánh của công ty vẫn ở trong tình trạng thua lỗ, dù đã tăng cường các biện pháp quản lý, tìm kiếm các phương thức kinh doanh mới sau những biến động trong sản xuất kinh doanh, biến động về nhân sự nhưng chưa thể hồi phục.

- Với quy mô và tổng số vốn hạn chế, công ty đang thiếu phương tiện, cơ sở vật chất để kinh doanh và mở rộng dịch vụ logistics, đáp ứng nhu cầu phát triển về lĩnh vực logistics, các phương tiện hầu hết phải thuê bên ngoài nên giá thành dịch vụ còn cao, lợi nhuận còn lại thấp và bị chia sẻ với các thân chủ, khó chủ động trong việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

2. Đánh giá hiệu quả từng hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1. Hoạt động đại lý tàu:

- Sản lượng đại lý tàu đạt 2.826 tàu, chỉ bằng 86% so với năm 2019; trong đó: tàu hàng rời giảm 20%, tàu container tăng 16%. Doanh thu cũng chỉ bằng 88% so với năm 2019.

- Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, lượng tàu đến cảng sụt giảm do hàng hóa bị đình trệ và chính sách cách ly đối với thuyền viên các tàu đến từ vùng dịch nên các hãng tàu phải cắt giảm số chuyến khai thác hoặc thay đổi lịch trình.

- Lượng tàu container tăng hơn so với năm 2020 do công ty đã ký được hợp đồng đại lý tàu với khách hàng mới tuy nhiên giá dịch vụ tàu container rất thấp nên không bù được sự sụt giảm doanh thu của hoạt động tàu hàng rời.

- Từ tháng 08/2020, công ty đã phải áp dụng giá đại lý phí mới cho tất cả các tàu của hãng tàu NYK với mức giảm hơn 50% so với giá đang phục vụ (Doanh thu từ hãng tàu NYK là 11,4 tỷ năm 2018, gần 11 tỷ năm 2019 nên với mức đại lý phí

mới này thì doanh thu đại lý tàu cũng sụt giảm mạnh trong năm 2020 và những năm tiếp theo), ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận từ dịch vụ đại lý tàu.

- Đây là loại hình mang tính cạnh tranh khốc liệt vì các công ty nước ngoài có hệ thống toàn cầu đã liên kết để giành quyền làm đại lý tàu cho các tàu của họ tại Việt Nam, các công ty tư nhân thì phá giá và chấp nhận làm với mọi mức giá, thậm chí miễn phí đại lý để giành các dịch vụ khác nên công ty cũng phải chấp nhận điều chỉnh giá dịch vụ ở mức rất thấp để có việc làm nên doanh thu không tăng nhiều dù sản lượng tăng.

- Xác định đây là hoạt động truyền thông và mang lại hiệu quả tốt nhưng thị phần để phát triển rất hẹp và khó khăn nên ngoài việc giữ chân các khách hàng truyền thống thì công ty vẫn tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới, tranh thủ sự ủng hộ của các chủ hàng để tăng sản lượng và doanh thu.

2.2. Hoạt động đại lý liner:

- Doanh thu hoạt động đại lý liner chỉ đạt 50% so với năm 2019 do việc hãng tàu Namsung Shipping chấm dứt hợp đồng đại lý từ ngày 31/07/2019 để thành lập công ty 100% vốn nước ngoài kéo theo doanh thu từng hoạt động này giảm mạnh (giảm 29%).

- Hiện nay chỉ còn chi nhánh Orimas làm đại lý liner cho hãng tàu Sinotrans tại thị trường Hải Phòng và Hà Nội. Vậy nên nếu so sánh tình hình hoạt động đại lý liner của chi nhánh Orimas năm nay với năm 2019 thì doanh thu giảm nhẹ, đạt 98%.

- Đây cũng là hoạt động mang lại hiệu quả cao và có ảnh hưởng đến các hoạt động dịch vụ khác như đại lý vận tải, kiểm đếm nên công ty đang chú trọng tìm kiếm và tiếp cận các hãng tàu container (hiện chỉ còn các hãng tàu nhỏ chạy nội Á hoặc các hãng khai thác không tàu) đang có kế hoạch khai thác tại thị trường Việt Nam để bù đắp cho việc hãng tàu Namsung chấm dứt hợp đồng.

2.3. Hoạt động đại lý vận tải:

- Doanh thu đại lý vận tải đạt 128% so với năm 2019 do một số yếu tố sau:

- + Doanh thu đại lý vận tải tăng so chủ yếu do tăng cước vận tải hàng không tăng vọt do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

- + Doanh thu đại lý vận tải của chi nhánh Vosa Sài Gòn tăng 218%, Northfreight tăng 104% là 2 chi nhánh có tỉ trọng doanh thu lớn trong tổng doanh thu công tác đại lý vận tải của công ty nên đã góp phần làm tăng doanh thu hoạt động này của toàn công ty lên 128% so với năm 2019. Hoạt động vận tải hàng không cho các đại lý nước ngoài, như Nagai, Europac, Starline...số tiền cước phải chi trả rất lớn, doanh thu cao nhưng lợi nhuận lại thấp vì mua bán cước lại do đại lý các hãng hàng không kiểm soát và tỷ lệ hưởng hoa hồng rất thấp đồng thời chủ yếu làm co-loader nên độ rủi ro cao. Đại lý vận tải hàng không gặp cạnh tranh khốc liệt khi các chuyến bay bị cắt giảm, giá cước tăng vọt, số tiền ứng trước cho khách hàng tăng mạnh nhưng lợi nhuận biên không tăng.

- Các chi nhánh còn lại đều có doanh thu đại lý vận tải giảm so với năm trước. Cụ thể Orimas đạt 89%, Vosa Quảng Ninh chỉ đạt 89% so với cùng kì năm 2019.

- Dịch vụ đại lý vận tải gặp nhiều khó khăn do gián đoạn chuỗi cung ứng do dịch bệnh Covid-19 và tình trạng thiếu vỏ container của tất cả các hãng tàu trên các tuyến khai thác. Thị trường hiện nay đã đạt đến độ bão hòa nên ưu thế cạnh tranh giảm và gặp sức ép rất lớn từ các đối thủ cạnh tranh buộc phải giảm giá sâu nhằm lôi kéo khách hàng. Công ty đã rất nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, tìm kiếm được một số khách hàng mới, giữ chân các khách hàng truyền thống.

- Đây là hoạt động cần có sự đầu tư về cơ sở vật chất và vốn lưu động cao để có thể hoạt động cạnh tranh. Mặc dù còn những hạn chế về cơ sở vật chất (kho bãi, phương tiện) nhưng công ty xác định vẫn phải tiếp tục chú trọng đẩy mạnh hoạt động này dù thị phần về logistics tại Việt Nam do các công ty logistics toàn cầu chiếm thị phần lớn nhưng công ty sẽ tập trung vào những phân khúc nhỏ hơn, phù hợp hơn với điều kiện về cơ sở vật chất và vốn của mình.

2.4. Hoạt động kho bãi:

- Doanh thu đạt 120% so với năm 2019.

- Số lượng kho bãi của công ty vẫn như năm 2019, chủ yếu hoạt động tại khu vực phía Bắc (Quảng Ninh và Hải Phòng). Doanh thu kho bãi công ty tăng nhờ sự tăng trưởng tốt của chi nhánh Vosa Quảng Ninh (bằng 125% so với năm 2019). Doanh thu tuy tăng so với năm trước nhưng chủ yếu tăng từ dịch vụ thuê kho bên ngoài để cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng nên tuy doanh thu tăng nhưng lợi nhuận từ thuê kho ngoài rất thấp, chỉ thu được lợi nhuận từ dịch vụ đại lý vận tải.

- Kho bãi tại khu vực Hải Phòng đang gặp nhiều khó khăn khi các hãng tàu đang chuyển ra các kho bãi và depot tại khu vực Lạch Huyện để cắt giảm chi phí vận chuyển nên với vị trí không phù hợp thì việc khai thác ngày càng gặp nhiều khó khăn. Đối với kho, mặc dù những năm gần đây kho xuống cấp trầm trọng, nhiều đối tác từ chối đưa hàng vào khai thác vì kho không đạt tiêu chuẩn và yêu cầu của họ nhưng Chi nhánh đã tăng cường marketing tìm kiếm khách hàng nên sản lượng hàng khai thác năm 2020 luôn đạt công suất 80%. Đối với bãi, hiện tại chỉ phục vụ khai thác cho Công ty Nam Á, Sinotrans và nhận gửi khoản 40 xe Container chiếm khoảng 55% công suất (diện tích bãi).

- Kho bãi tại khu vực Quy Nhơn và Đà Nẵng hoạt động không hiệu quả do lượng hàng hóa lưu kho rất ít. Nguyên nhân do các khu kho bãi đã có quyết định thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy hoạch của địa phương. Công ty không thể đầu tư cải tạo hoặc ký hợp đồng hợp tác dài hạn với khách hàng. Hiện tại chỉ khai thác nhỏ lẻ và cho thuê ngắn hạn.

- Kho bãi tại khu vực quận 7, TP. HCM khó khai thác vì khu vực này tiếp tục bị sụt lún, nền kho nứt, công ty đã tính toán nhiều phương án sửa chữa để khai thác nhưng cần phải có chi phí rất lớn để sửa chữa, cải tạo.

- Doanh thu từ hoạt động kho bãi chiếm tỷ trọng 11,85% của doanh thu kinh doanh và chiếm 12,65 % tỷ trọng lợi nhuận gộp.

2.5. Hoạt động kiểm đếm:

- Doanh thu hoạt động kiểm đếm đạt 94% so với năm 2019.
- Năm 2020 hầu như các chi nhánh đều có doanh thu hoạt động kiểm đếm giảm nhiều so với năm 2019.
- Công tác kiểm đếm ngày càng khó khăn hơn do lượng tàu container sử dụng dịch vụ kiểm kiện của công ty ngày càng giảm dần, các hãng tàu được hưởng dịch vụ miễn phí từ các cảng. Bên cạnh đó, các hãng tàu tiếp tục cắt giảm chi phí hoạt động nên giá dịch vụ này cũng ngày càng giảm.
- Tại thị trường TP. HCM, doanh thu kiểm đếm ổn định do sản lượng tàu RORO ổn định, sản lượng thép cuộn có tăng lên tại khu vực Cái Mép góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho các chi nhánh. Dịch vụ kiểm container của hãng tàu Samudera & Namsung khá tốt, dịch vụ sang container tại cảng Cát Lái cũng khá tốt và ngày càng phát triển. Chi nhánh Vosa Sài Gòn và Vitamas có doanh thu hoạt động kiểm đếm khá tốt, đều tăng là 106% so với năm 2019.

3. Tổ chức và nhân sự:

3.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc và Ban Tài chính kế toán:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân ngoại ngữ	02/03/2017	1.089	0,01
2	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTĐ, Cử nhân Luật	08/11/2017	1.452	0,01
3	Nguyễn Hồng Hải	27/10/1975	Trưởng Ban TCKT	Cử nhân Kinh tế	01/10/2020	-	-
4	Võ Trung Thắng	01/01/1977	Phó trưởng Ban TCKT	Cử nhân Kế toán Kiểm toán	01/03/2016	605	0,01

3.2. Các thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Trong năm 2020, Công ty đã ban hành Quy chế quản lý tài chính; Thỏa ước lao động tập thể; Quy định về công tác Văn thư, lưu trữ, ban hành văn bản, bản sao văn bản và sử dụng chữ ký số; Sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ ... bên cạnh các quy chế đã được xây dựng và đang thực hiện như: Quy chế dân chủ, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi, nêu bật chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Công ty tiếp tục nghiên cứu

sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế để kiện toàn công tác quản lý và điều hành của Công ty.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty với các chi nhánh. Gắn kết các chi nhánh thành công ty mạnh, làm cơ sở vững chắc cho việc tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con cho những năm sau.

- Tiếp tục tuyển dụng thêm những nhân viên mới có trình độ chuyên môn, bổ nhiệm những người có năng lực xứng đáng đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hóa cán bộ, có chế độ đãi ngộ tương xứng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cho đội ngũ CBCNV để doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh, năng động và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2020, Công ty được phê duyệt 9 dự án đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan nên chỉ có 1 dự án được thực hiện chiếm tỷ trọng 0,54% so với kế hoạch. Cụ thể:

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Lý do chưa thực hiện theo kế hoạch năm 2020
Dự án Đầu tư XDCB				
	VOSA QUẢNG NINH			
1	GPMB diện tích mở rộng sau điều chỉnh QH 2010	6.500	0%	Thực hiện bởi TT phát triển quỹ đất TP. Hạ Long, Quảng Ninh
2	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	2.700	0%	Ban QL Khu Kinh tế QN và Trung tâm phát triển quỹ đất đã tiến hành đo đạc, kiểm đếm lập khối lượng và giá trị GPMB phạm vi thu hồi đất (Vào khu đất của VOSA QN). Sau khi có thông báo về giá trị đền bù được phê duyệt và QĐ thu hồi đất VOSA QN mới được tiến hành phá dỡ, xây dựng tuyến hàng rào. Do nhu cầu khai thác đã mở đường vào công số 2 khu kho bãi Cái Lân.
3	Cải tạo nhà làm việc của VOSA Quảng Ninh tại Cái Lân - Khu văn phòng Hải Quan - Cái Lân sau khi thanh lý hợp đồng và Khu văn phòng làm việc hiện tại	3.750	0%	Đã mời đơn vị tư vấn khảo sát lập thiết kế sơ bộ, trước khi đánh giá lập TKKT thi công và dự toán công trình.

4	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng, bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	1.200	0%	Do lượng hàng tồn kho nên chưa thể triển khai thực hiện. Trong năm 2021 sẽ triển khai từng phần nhằm tránh ảnh hưởng tới việc khai thác hàng hóa kho IA và khu vực lân cận.
5	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	1.500	0%	
	NORTHFREIGHT			
6	Dự án lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động cho kho CFS	1.200	0%	Do lượng hàng qua kho thấp, chi phí đầu tư lớn nên Công ty cân nhắc thực hiện trong thời điểm khác phù hợp.
	VOSA HẢI PHÒNG			
7	Cải tạo sửa chữa nhà kho lưu trữ cơ quan	300	0%	Mục tiêu dự án là cải tạo lại kho hồ sơ hiện hữu để sắp xếp tinh gọn lại kho và cho thuê phần còn lại. Tuy nhiên trong năm 2020 Công ty có chủ trương đầu tư khu nhà đất 25 Điện Biên Phủ nên dự án không thực hiện để tránh lãng phí
	VOSA SÀI GÒN			
8	Cao ốc văn phòng VOSA Sài Gòn	5.000	0%	Do ảnh hưởng dịch bệnh nên nguồn cung văn phòng cho thuê đang dư thừa phá vỡ mục tiêu dự án. Công ty tập trung nguồn vốn cho các dự án phục vụ SXKD, Dự án này tạm dừng và sẽ triển khai trong thời điểm khác phù hợp
	VOSA VŨNG TÀU			
9	Sửa chữa, tu bổ mặt tiền trụ sở	120	100%	Đã thực hiện
	Tổng cộng	22.270		

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	KH 2020	Tỷ lệ PP	Thực hiện 2020	Tỷ lệ PP
1	Tổng Doanh thu	843.000.000.000		1.037.087.768.248	
2	Lợi nhuận trước thuế	42.000.000.000		42.254.086.861	
3	Lợi nhuận sau thuế	36.200.000.000		36.956.167.659	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.234		2.622	
5	Lợi nhuận được phân phối	-	-	36.956.167.659	
6	Cổ tức	-	-	21.144.729.000	15%VDL
7	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.086.850.298	30%
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	5.543.425.149	15%
9	Quỹ thưởng Người quản lý (*)	-	-	162.000.000	1%

(*) Quỹ thưởng Người quản lý năm 2020: thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, Công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công việc. Hoàn thành việc tái cấu trúc Văn phòng Công ty và một số chi nhánh trong năm theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Ngay từ đầu năm, Công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý Công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của Công ty.

- Những tiên bộ Công ty đã đạt được về công tác quản trị Công ty:

+ Từng bước tái cơ cấu bộ máy quản trị và điều hành, chú trọng vào công tác nhân sự và quản lý tài chính để đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Công ty xác định rõ trong tình hình vốn hoạt động còn hạn chế thì nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty nên Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực của mình, đào tạo nên đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng, chuyên môn tốt và có nhiệt huyết với Công ty, xây dựng đội ngũ quản trị có hướng tới quy hoạch và kế thừa cho sự phát triển dài hạn.

+ Ban hành Quy chế quản lý tài chính để quy định rõ việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính của pháp luật, Công ty và thực hiện một cách rõ ràng, công khai, minh bạch gắn với phân công, phân cấp quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ từng cấp; Tình hình tài chính cũng từng bước cải thiện rõ rệt, công nợ được quản lý và đối chiếu, không còn ý kiến ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán về vấn đề công nợ tiềm tàng.

+ Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo các quy định hiện hành của pháp luật.

II. Kế hoạch phát triển trong năm 2021:

1. Công ty xây dựng Chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:

*** Mục tiêu hoạt động:**

- Phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ Đại lý tàu biển truyền thống, Đại lý vận tải và Logistics, Thương mại xuất nhập khẩu.

- Tập trung phát triển dịch vụ logistics: tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi, phương tiện; liên kết với các khách hàng lớn, tiềm năng để đầu tư và phát triển kho bãi, phương tiện vận tải.

- Xây dựng kế hoạch phát triển vận tải đa phương thức.

- Mở rộng mạng lưới hoạt động ra thị trường thế giới.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới.
- Quản trị và phát triển tốt nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

*** Thị trường và khách hàng mục tiêu:**

- Tiếp tục giữ vững các khách hàng truyền thống tại các khu vực Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các khu vực khác;
- Tập trung phát triển thị trường trong nước đối với các khách hàng là chủ hàng, nhà máy sản xuất tại Việt Nam;
- Ngoài những khách hàng trên, công ty sẽ tập trung tiếp cận những công ty logistics nước ngoài và những công ty đại lý toàn cầu để mở rộng quan hệ và dịch vụ.

2. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	KH 2021	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	140.964.860.000	140.964.860.000	-
2	Tổng doanh thu	1.037.087.768.248	958.000.000.000	92%
3	Doanh thu kinh doanh	1.013.146.404.608	953.000.000.000	94%
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	42.254.086.861	31.000.000.000	73%
4.1	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	20,588,711,346	28,000,000,000	136%
4.2	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	21,665,375,515	3,000,000,000	14%
5	Lợi nhuận sau thuế	36.956.167.659	24.800.000.000	67%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.622	1.484	57%
7	Cổ tức (%)	15%	08%	53%

- Lợi nhuận trước thuế giảm do lợi nhuận tài chính từ nguồn lợi nhuận của công ty liên doanh Yusen Logistics đã chấm dứt (Công ty nhận từ Yusen Logistics 15,6 tỷ đồng/năm, trong 07 năm, từ năm 2014 – 2020), lợi nhuận kinh doanh dù có tăng trưởng chưa thể bù đắp được.

3. Kế hoạch đầu tư năm 2021:

3.1 - Các dự án xây dựng thực hiện các năm trước chuyển sang năm 2021: Không có.

3.2 - Các dự án đầu tư, xây dựng mới năm 2021:

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	Kế hoạch đầu tư		18.803		
	Đầu tư XDCB		9.416		
	Mua sắm trang thiết bị		9.387		
I	Dự án đầu tư XDCB		9.416		
VOSA Quảng Ninh					
1	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng nhà kho, điện bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	Sửa chữa thay thế	1.200	Vốn tự có	2021
2	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	Sửa chữa cải tạo	1.500	Vốn tự có	2021
3	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	Xây mới	2.700	Vốn tự có	2021
4	Thay thế băng tải B1200, gầu tải và hệ thống điện điều khiển nhà kho 1A.	Sửa chữa thay thế hư hỏng trong quá trình vận hành khai thác.	2.212	Vốn tự có	2021
5	Sửa chữa mặt sân bê tông khu kho bãi Cái Lân	Sửa chữa hư hỏng trong quá trình khai thác	554	Vốn tự có	2021
6	Sửa chữa mái sảnh, cấp thoát nước nhà văn phòng, mái sảnh hội trường và biển hiệu VOSA QN	Sửa chữa cải tạo do đã xuống cấp hư hỏng theo thời gian	250	Vốn tự có	2021
NORTHFREIGHT					
7	Dự án xây dựng tường rào ngăn bãi	Cổng rào, Hàng rào di động dài 360m cao 2,2m làm bằng thép hộp và thép góc.	300	Vốn tự có	2021
8	Dự án sửa chữa, sơn lại toà nhà văn phòng và nhà kho số 1	Chống thấm, xử lý tường cũ, sơn tường khoản 3.500 m ² . Sơn cửa khoảng 200 m ²	300	Vốn tự có	2021

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tur	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
SAMTRA					
9	Dự án sửa nhà văn phòng Samtra	Nhà 3 tầng trên diện tích đất 75m ² đã nứt tường xuống cấp. Sửa chữa gia cố cột, sơn tường, lát gạch bị bong tróc.	400	Vốn tự có	2021
II	Dự án mua sắm thiết bị		9.387		
1	Xe chở khách hiệu Hyundai County 29 chỗ ngồi - thân dài do Hyundai Thành Công lắp ráp	Đầu tư mới	1.387	Vốn tự có	2021
2	Dự án mua xe vận tải (xe sơ mi)	5 xe đầu kéo + mooc	8.000	Vốn tự có	2021

- Tổng giá trị đầu tư: 18.803.000.000 đồng.

Trên đây là nội dung báo cáo của BTGD về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ về kế hoạch SXKD năm 2021 của Ban Tổng giám đốc kính trình Đại hội. Ban Tổng giám đốc Công ty xin gửi đến toàn thể Quý cổ đông Công ty lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trịnh Vũ Khoa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Kính thưa các Quý vị Đại biểu, Quý vị Cổ đông,

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 kết quả hoạt động của của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam như sau:

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

b) Thành viên và hoạt động của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	04/06/2014	3/3	100%	
2	Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên BKS	26/06/2019	2/3	67%	Có đơn xin tạm dừng thực hiện nhiệm vụ BKS từ 22/10/2020 và tiếp tục thực hiện nhiệm vụ từ 26/2/2021
3	Trần Thị Hạnh	Ủy viên BKS	31/05/2018	3/3	100%	

Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động năm 2020 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ; báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch của Công ty;

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT. Ban Kiểm soát đã thu thập thông tin đánh giá công tác quản lý điều hành theo đúng chức

năng nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra Báo cáo tài chính, tình hình quản lý sử dụng tài sản nguồn vốn của các chi nhánh bao gồm: Vosa Cần Thơ, Vitamas.

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cung cấp, trao đổi thông tin để hiểu rõ những thuận lợi cũng như khó khăn trong công tác tổ chức điều hành, quản lý công ty;

- Một số công việc khác theo quy định.

- Thù lao của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Trưởng ban	74.400.000	
2	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	70.800.000	
3	Trần Thị Hạnh	Thành viên	59.000.000	(*)

(*) Ông Nguyễn Hồng Hải có đơn tạm dừng thực hiện nhiệm vụ BKS từ 20/10/2020, nên Công ty tạm dừng thực hiện chi trả thù lao tháng 11 và tháng 12 năm 2020.

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN, LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 CỦA CÔNG TY:

2.1 Hoạt động kinh doanh:

Ban Kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động năm 2020 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

- Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống người dân. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt, gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện so với kế hoạch
Tổng doanh thu	843.000	1.037.087	123%
Doanh thu kinh doanh	819.000	1.013.146	124%
Lợi nhuận trước thuế	42.000	42.254	100%

2.2 Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

- Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.
- Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.
- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao cho HĐQT và BKS, Phụ trách quản trị công ty năm 2020; thực hiện phân bổ các quỹ theo đúng Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.
- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Theo kế hoạch đầu tư năm 2020, Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt 9 dự án đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan nên chỉ có 1 dự án được thực hiện chiếm tỷ trọng 0,54% so với kế hoạch là dự án sửa chữa tu bổ mặt tiền trụ sở Vosa Vũng tàu. Các dự án còn lại Công ty chưa thực hiện (Cụ thể tại mục 3 phần II Báo cáo thường niên năm 2020).
- Công ty chưa thành lập 02 tiểu ban giúp việc HĐQT là Tiểu ban nhân sự và chiến lược; Tiểu Ban kiểm toán nội bộ và thẩm định dự án. Hiện tại HĐQT đã giao thành viên HĐQT - Nguyễn Thị Thanh Hà chủ trì dự thảo Quyết định thành lập và Quy chế tổ chức và hoạt động của hai tiểu ban đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua chủ trương tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ để trình HĐQT xem xét, quyết định.

2.3 Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:

Trên cơ sở Báo cáo tài chính do Ban Tổng giám đốc Công ty lập, Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Ban Kiểm soát đã xem xét thẩm định và có ý kiến thống nhất với ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là *“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”*.

3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

3.1 Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ, 02 cuộc họp bất thường và 22 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. HĐQT đã ban hành 20 Nghị quyết liên quan đến công tác quản trị, SXKD, tổ chức nhân sự, đầu tư,

v.v... Các thành viên HĐQT đã thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy định của Công ty. HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn theo dõi, giám sát, đôn đốc Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư, việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT...

+ Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đánh giá chung: HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao.

3.2 Hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

+ Ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và lĩnh vực hàng hải trong nước và thế giới, dịch bệnh Covid-19 để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ khác được ĐHĐCĐ giao, thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

+ Trong năm qua Ban kiểm soát cũng không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban Tổng giám đốc Công ty.

+ Đánh giá chung: Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

3.3. Về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Trong năm 2020, Công ty không có phát sinh giao dịch với các đối tượng có liên quan như nêu trên.

4. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021:

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính cẩn trọng, trung thực trong các báo cáo của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tài chính kế toán;

- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và 9 tháng đầu năm 2021

- Phối hợp cùng các Ban chuyên môn và Công ty kiểm toán độc lập để giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, công nợ của các chi nhánh theo điều lệ

Công ty, quy chế quản trị nội bộ và các quy định của Nhà nước. Thực hiện kiểm tra tại Văn phòng Công ty và một số chi nhánh.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện công tác giám sát quản trị và điều hành của Công ty đồng thời đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Rà soát, có ý kiến đề hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc có ý kiến trong việc xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

5. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Qua quá trình kiểm tra một số chi nhánh trong năm 2020, Ban Kiểm soát cũng có những ý kiến nhận xét đánh giá đối với công tác quản lý tài chính tại các chi nhánh của Vosa. Ban Kiểm soát kiến nghị Tổng giám đốc xem xét, chỉ đạo Ban Tài chính Kế toán thường xuyên rà soát hướng dẫn các đơn vị phụ thuộc để nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định về công tác quản lý tài chính, kế toán, thuế; chỉ đạo sớm hoàn thành quyết toán dự án xây dựng Văn phòng tại chi nhánh Vitamas, Vosa Nha Trang; Rà soát cơ sở nhà đất, thực hiện gia hạn thời gian thuê và hồ sơ pháp lý của các cơ sở nhà đất của Công ty.

Trên đây là bản Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Xin chúc các Quý vị Đại biểu, Quý vị Cổ đông sức khỏe, thành công và hạnh phúc. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn và kính chào.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 40
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2020)
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên	
Ông Ngô Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Trần Hồng Quang	Ủy viên	
Bà Nguyễn Bích Thảo	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thế Tiệp	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2020)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Vũ Khoa	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Phụ trách từ ngày 17/04/2020 đến ngày 01/07/2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Phụ trách từ ngày 26/06/2019 đến ngày 17/04/2020)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Việt	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

T.M. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trịnh Vũ Khoa

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được lập ngày 02 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên

Lê Kim Yến

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		437.488.607.716	353.699.815.285
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	209.776.632.670	179.783.658.944
111	1. Tiền		110.276.632.670	96.969.094.560
112	2. Các khoản tương đương tiền		99.500.000.000	82.814.564.384
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	23.220.000.000	1.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		23.220.000.000	1.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		193.181.396.370	152.727.655.596
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	162.485.570.320	127.951.898.085
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	14.165.530.803	4.782.213.488
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	16.794.826.237	20.381.414.442
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(264.530.990)	(387.870.419)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.310.578.676	20.188.500.745
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	251.963.308	8.676.992.016
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.815.163.036	10.738.242.833
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	243.452.332	773.265.896
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		182.927.236.052	197.717.851.479
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.959.945.488	9.263.634.652
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	8.959.945.488	9.263.634.652
220	II. Tài sản cố định		71.425.679.944	79.553.590.643
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	54.206.668.153	62.181.554.230
222	- Nguyên giá		153.548.760.434	153.402.164.777
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(99.342.092.281)	(91.220.610.547)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.219.011.791	17.372.036.413
228	- Nguyên giá		20.849.121.024	20.767.171.024
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.630.109.233)	(3.395.134.611)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	29.580.310.354	33.414.180.654
231	- Nguyên giá		74.746.984.356	74.584.104.356
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.166.674.002)	(41.169.923.702)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		108.500.000	200.522.727
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		108.500.000	200.522.727
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	13.542.299.149	14.148.291.148
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.248.600.000	7.248.600.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.614.263.664	11.614.263.664
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.320.564.515)	(4.714.572.516)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		59.310.501.117	61.137.631.655
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	59.310.501.117	61.137.631.655
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		620.415.843.768	551.417.666.764

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		243.210.238.818	206.517.285.368
310	I. Nợ ngắn hạn		241.860.912.734	204.990.559.284
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	92.202.203.410	81.522.399.140
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	13.423.277.344	7.604.786.398
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.641.324.815	5.417.131.218
314	4. Phải trả người lao động		14.443.662.843	16.890.422.865
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.582.815.618	4.187.977.077
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	2.111.920.000	280.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	97.993.178.326	78.928.657.379
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	-	60.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.462.530.378	10.099.185.207
330	II. Nợ dài hạn		1.349.326.084	1.526.726.084
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	500.000.000	500.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	849.326.084	891.726.084
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	135.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		377.205.604.950	344.900.381.396
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	377.205.604.950	344.900.381.396
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		140.964.860.000	140.964.860.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		140.964.860.000	140.964.860.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		124.241.027.257	113.346.962.745
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.816.955.392	14.240.002.725
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		97.182.762.301	76.348.555.926
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		60.226.594.642	40.035.007.552
421b	LNST chưa phân phối năm nay		36.956.167.659	36.313.548.374
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		620.415.843.768	551.417.666.764

Người lập



Nguyễn Lương Huy

Phó Trưởng ban TCKT phụ trách



Võ Trung Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trịnh Vũ Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.013.146.404.608	878.333.399.910
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.013.146.404.608	878.333.399.910
11	4. Giá vốn hàng bán	23	937.196.004.027	788.997.020.878
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.950.400.581	89.336.379.032
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	23.433.359.245	25.434.726.141
22	7. Chi phí tài chính	25	2.035.351.006	3.924.395.037
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.011.825	38.245.232
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	55.361.689.235	69.275.455.038
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.986.719.585	41.571.255.098
31	10. Thu nhập khác	27	508.004.395	1.484.868.332
32	11. Chi phí khác	28	240.637.119	861.183.249
40	12. Lợi nhuận khác		267.367.276	623.685.083
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.254.086.861	42.194.940.181
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.297.919.202	5.881.391.807
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		36.956.167.659	36.313.548.374
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.622	2.257

Người lập

Phó Trưởng ban TCKT phụ trách

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Huy



Võ Trung Thắng



Trịnh Vũ Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		42.254.086.861	42.194.940.181
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.503.235.616	12.672.432.421
03	Các khoản dự phòng		(4.517.347.430)	(5.619.554.154)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		42.908.300	129.970.085
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.815.645.768)	(24.595.601.301)
06	Chi phí lãi vay		17.011.825	38.245.232
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		29.484.249.404	24.820.432.464
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(39.708.414.459)	21.585.117.832
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		42.240.693.096	(69.805.793.559)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		10.252.159.246	(6.641.989.588)
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.011.825)	(38.245.232)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.238.911.687)	(6.878.964.919)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.287.598.934)	(7.216.909.533)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.725.164.841	(44.176.352.535)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(449.431.890)	(3.079.253.762)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.413.190.908
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.220.000.000)	(1.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	61.001.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị		-	(2.790.600.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.929.658.074	24.264.535.782
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.739.773.816)	79.809.372.928

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(195.000.000)	(404.000.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở		(774.400.000)	(27.442.327.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(969.400.000)	(27.846.327.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		30.015.991.025	7.786.693.393
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		179.783.658.944	172.124.412.050
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(23.017.299)	(127.446.499)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>209.776.632.670</u>	<u>179.783.658.944</u>

Người lập



Nguyễn Lương Huy

Phó Trưởng ban TCKT phụ trách



Võ Trung Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trịnh Vũ Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 140.964.860.000 VND tương đương với 14.096.486 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, thương mại hàng hải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý, kiểm đếm hàng hóa;
- Môi giới và dịch vụ hàng hải;
- Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan);
- Dịch vụ cung ứng tàu biển, vận tải đa phương thức quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistics và kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông - hải sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa, đại lý ký gửi hàng, vận tải đa phương quốc tế, dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ logistic, mua bán, cho thuê và sửa chữa container;
- Kinh doanh kho bãi, kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở) và dịch vụ khai thuê hải quan.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Bến Thủy	Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Kiểm đếm hàng rời, hàng công; Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc	Thành phố Hải Phòng	Đại lý hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận, vận tải đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Dịch vụ Hàng Hải và Thương mại	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).

Thông tin về công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 44 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 11 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	34 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

2.12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.14. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định vô hình, các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.17. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.18. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.22. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.23. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.24. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.26. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.27. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.29. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

2.30. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31. Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là đại lý vận chuyển, tàu biển và các dịch vụ kèm theo tại Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	564.105.390	3.004.494.088
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	109.712.527.280	93.964.600.472
Các khoản tương đương tiền (*)	99.500.000.000	82.814.564.384
	209.776.632.670	179.783.658.944

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	23.220.000.000	-	1.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	23.220.000.000	-	1.000.000.000	-
	23.220.000.000	-	1.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 3,6%/năm đến 6,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	7.248.600.000		(4.599.664.515)	7.248.600.000		(3.739.572.516)
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	7.248.600.000		(4.599.664.515)	7.248.600.000		(3.739.572.516)
Đầu tư vào đơn vị khác	11.614.263.664	18.970.832.000	(720.900.000)	11.614.263.664	1.545.000.000	(975.000.000)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (Mã: MSB) ⁽¹⁾	7.400.160.000	17.171.732.000	-	7.400.160.000		
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần (Mã TVN) ⁽²⁾	2.020.000.000	1.600.000.000	(420.000.000)	2.020.000.000	1.300.000.000	(720.000.000)
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (Mã VLG) ⁽²⁾	500.000.000	199.100.000	(300.900.000)	500.000.000	245.000.000	(255.000.000)
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	1.072.836.000			1.072.836.000		
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	63.746.040			63.746.040		
- Công ty liên doanh Bông Sen	557.521.624			557.521.624		
	18.862.863.664	18.970.832.000	(5.320.564.515)	18.862.863.664	1.545.000.000	(4.714.572.516)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽¹⁾ Cổ phiếu MSB niêm yết giao dịch trên sàn HOSE từ ngày 23/12/2020, do đó giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2020 của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo tài chính trên sàn HOSE.

⁽²⁾ Giá trị hợp lý tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020 đối với cổ phiếu niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Vận tải đường biển, giao nhận và cho thuê kho bãi.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Thành phố Hà Nội	0,078%	0,078%	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội).
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Thành phố Hà Nội	0,03%	0,03%	Khai thác quặng sắt; sản xuất gang, thép và các kim loại, sản phẩm thép.
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	0,35%	0,35%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam ⁽³⁾	Thành phố Hà Nội	51,00%	0,00%	Vận tải đường bộ, giao nhận và cho thuê kho bãi; làm thủ tục hải quan, môi giới.
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam ⁽⁴⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	1,00%	1,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Công ty Liên doanh Bông Sen ⁽³⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	0,27%	0,27%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.

⁽³⁾ Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd. Đối với phần lợi nhuận từ liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

⁽⁴⁾ Ngày 26/03/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd (YLSG) thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn. Theo đó, VOSA đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty") tương ứng với 50% vốn điều lệ (tương đương 200.000 USD). Theo hợp đồng chuyển nhượng, VOSA sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận từ số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty lũy kế đến 31/03/2014 theo tỷ lệ góp vốn trước thời điểm chuyển nhượng (tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%, YLSG là 49%) và khoản lợi nhuận này sẽ được chia cho các bên theo bảy (07) đợt thanh toán hằng năm bằng nhau trong bảy (07) năm tài chính sau ngày 31/03/2014 (phân kỳ 07 năm từ 2014-2020), mỗi kỳ VOSA nhận được số tiền 15,5 tỷ đồng. Sau ngày 31/03/2014, Công ty chia lợi nhuận từ các khoản lợi nhuận sau thuế khác, VOSA chỉ được nhận khoản lợi tức đảm bảo và YLSG được nhận các khoản lợi nhuận sau thuế còn lại của Công ty sau khi trừ đi các khoản lợi tức đảm bảo.

⁽⁵⁾ Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hằng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hằng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	16.336.822.282	-	9.106.935.172	-
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	12.237.761.474	-	10.294.179.846	-
- Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	5.389.313.378	-	6.692.862.365	-
- Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam	3.589.959.023	-	2.855.194.518	-
- Công ty TNHH KD Sports Việt Nam	4.864.193.903	-	3.988.405.994	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	4.018.544.653	-	1.955.534.005	-
- Công ty Cổ phần Hòa Bình	3.398.363.364	-	-	-
- Công ty Cổ phần Alk Vina	4.039.200.147	-	4.472.587.561	-
- Công ty TNHH Thép Daeho Việt Nam	2.230.540.182	-	-	-
- Công ty TNHH Wilhelmsen Sunnytrans	4.868.240.229	-	194.973.687	-
- Công ty TNHH Shang Wood Industries	2.073.428.066	-	1.455.568.512	-
- Công ty TNHH Jas Việt Nam	14.261.828.719	-	964.968.938	-
- Công ty TNHH Fedex Trade Networks Transport and Brokerage (Việt Nam)	9.082.941.349	-	1.832.460.677	-
- Công ty TNHH Sumitomo Warehouse (Việt Nam)	5.392.964.822	-	1.035.176.887	-
- Công ty TNHH Giao nhận Ba Rôm	3.924.310.610	-	456.709.865	-
- Công ty TNHH Hóa chất Taiko - Đại Hùng	3.041.459.180	-	6.840.545.737	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	63.735.698.939	(167.933.584)	75.805.794.321	(291.273.013)
	162.485.570.320	(167.933.584)	127.951.898.085	(291.273.013)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	129.552.183	-	198.010.683	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>				

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	1.282.023.867	-	849.970.753	-
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu	2.143.616.112	-	56.827.812	-
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	2.970.786.766	-	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH Tiếp vận Sao Mai	4.125.742.500	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	3.643.361.558	-	2.875.414.923	-
	14.165.530.803	-	4.782.213.488	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	70.000.000	-	70.000.000	-
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	4.548.456	-	8.120.854	-
- Phải thu về tạm ứng	7.052.573.559	-	6.612.572.466	-
- Ký cược, ký quỹ	119.076.170	-	993.700.000	-
- Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	9.154.686.124	(96.597.406)	11.794.870.336	(96.597.406)
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	324.507.221	-	438.519.527	-
- Phải thu khác	69.434.707	-	463.631.259	-
	16.794.826.237	(96.597.406)	20.381.414.442	(96.597.406)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	8.959.945.488	-	9.263.634.652	-
	8.959.945.488	-	9.263.634.652	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	-	125.410.683	-
+ Công ty Cổ phần Vận tải thủy và Thương mại Tấn Hưng	-	-	116.164.246	81.314.972
+ Shipping Corporation of India	96.597.406	-	96.597.406	-
+ Các đối tượng khác	91.230.901	48.708.000	175.528.328	44.515.272
	313.238.990	48.708.000	513.700.663	125.830.244

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	98.901.288.308	49.669.122.763	4.831.753.706	153.402.164.777
- Mua trong năm	131.021.981	-	328.482.636	459.504.617
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(162.880.000)	-	-	(162.880.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.028.960)	(150.028.960)
- Phân loại lại	(1.177.418.183)	(2.000.000)	1.179.418.183	-
Số dư cuối năm	97.692.012.106	49.667.122.763	6.189.625.565	153.548.760.434
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	55.284.002.714	31.227.887.091	4.708.720.742	91.220.610.547
- Khấu hao trong năm	3.577.224.545	4.326.234.617	386.714.869	8.290.174.031
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(18.663.337)	-	-	(18.663.337)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.028.960)	(150.028.960)
- Phân loại lại	(330.083.394)	287.712.560	42.370.834	-
Số dư cuối năm	58.512.480.528	35.841.834.268	4.987.777.485	99.342.092.281
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	43.617.285.594	18.441.235.672	123.032.964	62.181.554.230
Tại ngày cuối năm	39.179.531.578	13.825.288.495	1.201.848.080	54.206.668.153

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 44.614.973.147 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.659.091.724	2.108.079.300	20.767.171.024
- Mua trong năm	-	81.950.000	81.950.000
Số dư cuối năm	18.659.091.724	2.190.029.300	20.849.121.024
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.369.544.197	2.025.590.414	3.395.134.611
- Khấu hao trong năm	191.361.573	43.613.049	234.974.622
Số dư cuối năm	1.560.905.770	2.069.203.463	3.630.109.233
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.289.547.527	82.488.886	17.372.036.413
Tại ngày cuối năm	17.098.185.954	120.825.837	17.219.011.791

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.034.579.300 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	74.584.104.356	74.584.104.356
- Tăng do chuyển từ TSCĐ Hữu hình	162.880.000	162.880.000
Số dư cuối năm	<u>74.746.984.356</u>	<u>74.746.984.356</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	41.169.923.702	41.169.923.702
- Khấu hao trong năm	3.978.086.963	3.978.086.963
- Tăng do chuyển từ TSCĐ Hữu hình	18.663.337	18.663.337
Số dư cuối năm	<u>45.166.674.002</u>	<u>45.166.674.002</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	33.414.180.654	33.414.180.654
Tại ngày cuối năm	<u>29.580.310.354</u>	<u>29.580.310.354</u>

Trong đó:

- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 187.068.000 đồng

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	77.738.333	98.666.879
- Chi phí làm hàng	-	8.392.963.750
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	174.224.975	185.361.387
	<u>251.963.308</u>	<u>8.676.992.016</u>
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	412.028.190	401.564.144
- Tiền thuê đất trả trước (*)	58.281.269.314	59.593.009.577
- Chi phí sửa chữa tài sản	475.871.391	965.016.027
- Chi phí trả trước dài hạn khác	141.332.222	178.041.907
	<u>59.310.501.117</u>	<u>61.137.631.655</u>

(*) Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 31/12/2020 là 55.720.737.628 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2020 là 56.938.677.244 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong năm 2020 là 1.217.939.616 đồng). Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất. (Xem thêm thuyết minh 2.16)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (*)	60.000.000	60.000.000	-	60.000.000	-	-
	60.000.000	60.000.000	-	60.000.000	-	-
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (*)	195.000.000	195.000.000	-	195.000.000	-	-
	195.000.000	195.000.000	-	195.000.000	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(60.000.000)	(60.000.000)	-	(60.000.000)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	135.000.000	135.000.000			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Sao biển	2.533.679.702	2.533.679.702	1.875.296.753	1.875.296.753
- Iata Vietnam Company Limited	22.470.384.057	22.470.384.057	4.431.004.547	4.431.004.547
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	6.691.757.369	6.691.757.369	4.608.170.000	4.608.170.000
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	2.326.319.666	2.326.319.666	1.368.412.949	1.368.412.949
- Công ty TNHH Thăng Lát	-	-	2.696.574.810	2.696.574.810
- Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh doanh Đầu tư Logistic Expert	3.443.866.034	3.443.866.034	2.606.309.971	2.606.309.971
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Minh Châu	3.970.575.312	3.970.575.312	688.545.000	688.545.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải và Xuất nhập khẩu An Bình	7.498.890.176	7.498.890.176	5.160.856.547	5.160.856.547
- Phải trả các đối tượng khác	43.266.731.094	43.266.731.094	58.087.228.563	58.087.228.563
	92.202.203.410	92.202.203.410	81.522.399.140	81.522.399.140
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	742.829.979	742.829.979

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Nova Carriers (Singapore) Pte., Ltd	-	11.511.815
- Inlaco Japan Co., Ltd	1.156.147.200	-
- Dongwon Ind Co., Ltd	1.208.512.512	-
- Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng - Tổng cục Công nghiệp Quốc Phòng	1.312.740.000	-
- Công ty TNHH Seojin Việt Nam	2.058.524.000	-
- Các khoản phải trả khác	7.687.353.632	7.593.274.583
	13.423.277.344	7.604.786.398
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	8.821.711	99.379.945

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	749.799.384	11.355.849.525	11.051.998.863	19.744.566	1.073.394.612
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	751.331.677	5.297.919.202	5.238.911.687	-	810.339.192
- Thuế thu nhập cá nhân	273.265.897	196.982.939	1.428.522.139	1.487.700.098	223.707.766	88.246.849
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	419.093.100	3.528.412.536	2.843.653.416	-	1.103.852.220
- Các loại thuế khác	499.999.999	2.799.320.910	13.276.335.751	13.010.164.720	-	2.565.491.942
+ Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước ngoài	499.999.999	2.799.320.910	13.257.335.751	12.991.164.720	-	2.565.491.942
+ Các loại thuế khác	-	-	19.000.000	19.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	500.603.208	2.551.449	503.154.657	-	-
	<u>773.265.896</u>	<u>5.417.131.218</u>	<u>34.889.590.602</u>	<u>34.135.583.441</u>	<u>243.452.332</u>	<u>5.641.324.815</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.994.428.124	2.759.773.774
- Chi phí tư vấn, giám sát và thi công nhà 44 - 46 Nguyễn Tất Thành	305.094.715	344.029.441
- Trích trước chi phí tiền thuê kho	663.757.605	280.650.000
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	619.535.174	803.523.862
	5.582.815.618	4.187.977.077
b) Dài hạn		
- Chi phí phải trả dài hạn khác	500.000.000	500.000.000
	500.000.000	500.000.000

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải nộp KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.216.990.200	1.265.992.903
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	479.503.335	1.253.903.335
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.447.246.704	7.326.885.729
- Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	75.521.583.228	46.559.270.796
- Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	13.315.245.814	18.279.722.619
- Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	275.221.605	505.494.557
	97.993.178.326	78.928.657.379
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	849.326.084	891.726.084
	849.326.084	891.726.084

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	2.111.920.000	280.000.000
	2.111.920.000	280.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2019	140.964.860.000	103.029.036.365	14.246.587.566	88.255.039.674	346.495.523.605
Lãi trong năm trước	-	-	-	36.313.548.374	36.313.548.374
Trích lập các quỹ	-	10.317.926.380	1.547.688.957	(11.865.615.337)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.738.444.785)	(7.738.444.785)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(423.000.000)	(423.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	(28.192.972.000)	(28.192.972.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.554.273.798)	-	(1.554.273.798)
Số dư tại ngày 31/12/2019	140.964.860.000	113.346.962.745	14.240.002.725	76.348.555.926	344.900.381.396
Số dư tại ngày 01/01/2020	140.964.860.000	113.346.962.745	14.240.002.725	76.348.555.926	344.900.381.396
Lãi trong năm nay	-	-	-	36.956.167.659	36.956.167.659
Trích lập các quỹ (*)	-	10.894.064.512	726.270.967	(11.620.335.479)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(4.357.625.805)	(4.357.625.805)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(144.000.000)	(144.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(149.318.300)	-	(149.318.300)
Số dư tại ngày 31/12/2020	140.964.860.000	124.241.027.257	14.816.955.392	97.182.762.301	377.205.604.950

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2020

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	100,00	36.313.548.374
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00	10.894.064.512
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	12,00	4.357.625.805
Trích quỹ thưởng ban điều hành	0,40	144.000.000
Trích quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	2,00	726.270.967
Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2019 chưa phân phối	55,60	20.191.587.090

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	51,05	71.968.380.000	51,05	71.968.380.000
- Các cổ đông khác	48,95	68.996.480.000	48,95	68.996.480.000
	100	140.964.860.000	100	140.964.860.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	140.964.860.000	140.964.860.000
- Vốn góp cuối năm	140.964.860.000	140.964.860.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.253.903.335	503.258.335
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	28.192.972.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	28.192.972.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(774.400.000)	(27.442.327.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(774.400.000)	(27.442.327.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	479.503.335	1.253.903.335

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phần.		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	124.241.027.257	113.346.962.745
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu ^(*)	14.816.955.392	14.240.002.725
	<u>139.057.982.649</u>	<u>127.586.965.470</u>

^(*) Chi tiết bao gồm:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ	11.650.000.000	11.650.000.000
Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	3.166.955.392	2.590.002.725
	<u>14.816.955.392</u>	<u>14.240.002.725</u>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt chi nhánh để sử dụng với mục đích làm kho bãi cung cấp dịch vụ thời hạn từ 02 đến 50 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Phú Thuận, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh, vị trí khu đất được xác định theo bản đồ số 10547-1/GD-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở địa chính - Nhà đất duyệt ngày 02/12/1999 để sử dụng với mục đích đầu tư xây dựng kho bãi và sửa chữa container từ năm 2000 đến năm 2050. Diện tích khu đất thuê là 10.000 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Đô la Mỹ (USD)	3.014.937,76	2.573.438,56

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Daiichia Chuo Marine Co., Ltd	5.575.895.635	5.575.895.635
	<u>5.575.895.635</u>	<u>5.575.895.635</u>

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu đại lý tàu	86.343.732.137	102.400.542.834
Doanh thu đại lý vận tải	715.996.934.341	565.213.720.582
Doanh thu kinh doanh kho bãi	120.097.071.753	110.489.967.829
Doanh thu kiểm kiện	25.242.283.147	26.810.331.787
Doanh thu đại lý Liner	11.154.391.985	22.387.130.550
Doanh thu dịch vụ khác	54.311.991.245	51.031.706.328
	<u>1.013.146.404.608</u>	<u>878.333.399.910</u>
	<u>590.768.203</u>	<u>705.369.175</u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn đại lý tàu	60.450.024.990	75.772.622.888
Giá vốn đại lý vận tải	693.165.169.634	540.938.532.259
Giá vốn kinh doanh kho bãi	112.147.513.316	103.221.250.225
Giá vốn kiểm kiện	15.946.720.006	15.563.079.233
Giá vốn đại lý Liner	6.899.394.153	11.092.382.642
Giá vốn dịch vụ khác	48.587.181.928	42.409.153.631
	<u>937.196.004.027</u>	<u>788.997.020.878</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.165.107.070	6.581.257.413
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.650.538.698	16.658.446.935
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.617.713.477	2.195.021.793
	<u>23.433.359.245</u>	<u>25.434.726.141</u>
	<u>16.650.538.698</u>	<u>16.658.446.935</u>

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.011.825	38.245.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.369.270.282	1.522.625.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	42.908.300	129.970.085
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	605.991.999	2.233.358.350
Chi phí tài chính khác	168.600	196.018
	2.035.351.006	3.924.395.037

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.766.484.221	3.530.947.550
Chi phí nhân công	37.556.442.635	46.352.123.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.369.840.154	3.176.874.283
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(5.123.339.429)	(7.852.912.504)
Thuế, phí, lệ phí	3.195.834.321	5.533.519.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.721.734.438	15.599.921.645
Chi phí khác bằng tiền	2.874.692.895	2.934.981.898
	55.361.689.235	69.275.455.038

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.355.896.953
Thu nhập khác	508.004.395	128.971.379
	508.004.395	1.484.868.332

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	232.088.874	811.848.857
Chi phí khác	8.548.245	49.334.392
	240.637.119	861.183.249

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	42.254.086.861	42.194.940.181
Các khoản điều chỉnh tăng	1.129.483.539	2.040.977.638
- Chi phí không hợp lệ	66.641.721	369.167.105
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	94.818.530	193.584.598
- Hoàn nhập lãi CLTG chưa thực hiện năm trước	59.860.444	304.167.901
- Tiền phạt vi phạm hành chính	220.962.844	818.858.034
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành	687.200.000	355.200.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(243.435.693)	(382.912.447)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(49.851.095)	(59.860.444)
- Hoàn nhập lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước	(193.584.598)	(323.052.003)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	43.140.134.707	43.853.005.372
Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	16.650.538.698	16.658.446.935
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.650.538.698	16.658.446.935
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	26.489.596.009	27.194.558.437
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	5.297.919.202	5.438.911.687
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	442.480.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	751.331.677	1.748.904.789
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.238.911.687)	(6.878.964.919)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	810.339.192	751.331.677

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.956.167.659	36.313.548.374
Các khoản điều chỉnh	-	(4.501.625.805)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(4.501.625.805)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.956.167.659	31.811.922.569
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.096.486	14.096.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.622	2.257

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020 đã thông qua phương án trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, cụ thể như sau:

	Năm 2019	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.313.548.374	36.313.548.374
Các khoản điều chỉnh	(4.720.761.289)	(4.501.625.805)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(4.720.761.289)	(4.501.625.805)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.592.787.085	31.811.922.569
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.096.486	14.096.486
	2.241	2.257
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	7.532.810.061	10.367.286.630
Chi phí nhân công	101.534.466.573	112.041.590.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.503.235.616	12.672.432.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	826.278.085.039	697.650.039.596
Chi phí khác bằng tiền	51.331.819.105	33.394.038.879
	999.180.416.394	866.125.388.420

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.776.632.670	-	179.783.658.944	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	188.240.342.045	(264.530.990)	157.596.947.179	(387.870.419)
Các khoản cho vay	23.220.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	9.920.160.000	(720.900.000)	2.520.000.000	(975.000.000)
	431.157.134.715	(985.430.990)	340.900.606.123	(1.362.870.419)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	195.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	191.044.707.820	161.342.782.603
Chi phí phải trả	6.082.815.618	4.687.977.077
	197.127.523.438	166.225.759.680

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư dài hạn	-	-	9.199.260.000	9.199.260.000
	-	-	9.199.260.000	9.199.260.000
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.545.000.000	1.545.000.000
	-	-	1.545.000.000	1.545.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.776.632.670	-	-	209.776.632.670
Phải thu khách hàng, phải thu khác	179.015.865.567	8.959.945.488	-	187.975.811.055
Các khoản cho vay	23.220.000.000	-	-	23.220.000.000
	412.012.498.237	8.959.945.488	-	420.972.443.725
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.783.658.944	-	-	179.783.658.944
Phải thu khách hàng, phải thu khác	147.945.442.108	9.263.634.652	-	157.209.076.760
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
	328.729.101.052	9.263.634.652	-	337.992.735.704

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	190.195.381.736	849.326.084	-	191.044.707.820
Chi phí phải trả	5.582.815.618	-	500.000.000	6.082.815.618
	195.778.197.354	849.326.084	500.000.000	197.127.523.438
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	60.000.000	135.000.000	-	195.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	160.451.056.519	891.726.084	-	161.342.782.603
Chi phí phải trả	4.187.977.077	-	500.000.000	4.687.977.077
	164.699.033.596	1.026.726.084	500.000.000	166.225.759.680

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	195.000.000	404.000.000
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường		

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài thông tin nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitraschart)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco (Voscal)	Công ty con của Vosco
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Cùng Công ty mẹ
Công ty Vận tải Biển VIMC	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	Bên liên doanh
Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty nhận vốn đầu tư



Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:
 Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	590.768.203	705.369.175
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	-	108.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	-	27.550.000
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	39.335.273	88.083.500
- Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng (Hai Phong Port)	3.765.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	430.066.339	-
- Công ty Vận tải Biển VIMC	52.363.637	15.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	32.727.272	173.736.362
- Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco (Voscal)	27.288.182	12.627.273
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)	4.972.500	5.915.000
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	250.000	68.685.473
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	-	66.770.050
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	-	139.001.517
	-	14.393.676.000
Chia trả Cổ tức		
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	14.393.676.000
	-	2.790.600.000
Góp vốn		
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	-	2.790.600.000
	16.650.538.698	16.658.446.935
Cổ tức được chia		
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	35.000.000
- Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	15.674.093.060	15.674.393.059
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	938.800.000	926.400.000
- Công ty liên doanh Bông Sen	37.645.638	22.653.876

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	129.552.183	198.010.683
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
- Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng (Hai Phong Port)	4.141.500	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	72.600.000
Phải trả cho người bán ngắn hạn	-	742.829.979
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	-	611.441.244
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	-	131.388.735
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.821.711	99.379.945
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	8.821.711	33.311.704
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	-	66.068.241

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	680.500.280	1.176.775.392
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.433.420.700	3.661.993.329

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập

Phó Trưởng ban TCKT phụ trách



Nguyễn Lương Huy



Võ Trung Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trịnh Vũ Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM
VOSA CORPORATION

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04/2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	11
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	11
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	12
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	12
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC	13
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	13
MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	13
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 16. Thay đổi các quyền	19
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua ...	24
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
MỤC 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	32

Điều 29. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	35
Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	36
Điều 32. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	38
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty.....	38
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	39
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 35. Người điều hành Công ty	39
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc...	39
Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc.....	40
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	41
Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát	42
Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát.....	43
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	43
Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	45
Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	45
MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	46
Điều 44. Trách nhiệm của người quản lý Công ty	46
Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	47
Điều 46. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	48
Điều 47. Công khai lợi ích có liên quan	49
Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	50
MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	51
Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	51
MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	52
Điều 50. Công nhân viên và công đoàn	52
CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY.....	52
TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	52
Điều 51. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác.....	52
Điều 52. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên	53
Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên.....	53
CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY	53
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	53
Điều 54. Phân phối lợi nhuận.....	53
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH	54
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	54
Điều 55. Tài khoản ngân hàng	54
Điều 56. Năm tài chính	54
Điều 57. Chế độ kế toán.....	54

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH	
NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	55
Điều 58. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	55
Điều 59. Báo cáo thường niên	55
Điều 60. Công khai thông tin	55
MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY	55
Điều 61. Kiểm toán	55
MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY.....	56
Điều 62. Dấu của Công ty	56
MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY	56
Điều 63. Giải thể Công ty	56
Điều 64. Thanh lý	56
MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	57
Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ	57
MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	58
Điều 66. Điều lệ công ty	58
MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC.....	58
Điều 67. Ngày hiệu lực.....	58
PHỤ LỤC 1 - DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	59
PHỤ LỤC 2 - DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY CON VÀ LIÊN	
DOANH	60

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (dưới đây gọi là Điều lệ) được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thành lập tổ chức vào ngày 14/06/2006 và được điều chỉnh, bổ sung lần VII theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

i. "Công ty" là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam;

k. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

1. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - n. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - o. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - p. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ ngữ khác đã được giải thích từ ngữ trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hoặc pháp luật liên quan được sử dụng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION**
- Tên Công ty viết tắt tiếng Anh: **VOSA CORPORATION**
- Logo:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 5, Tòa nhà Petroland số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84 - 28) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Fax: (84 - 28) 54161823 – 54161824
- E-mail: vosagroup@vosagroup.com.
- Website: vosa.com.vn

4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và văn phòng đại diện diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 63 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng giám đốc.

2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định cử Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Người đại diện theo pháp luật để bảo đảm hoạt động của Công ty được thuận lợi, liên tục.

3. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật.

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất, gia công các loại bao bì (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí, chế biến gỗ, in trang bao bì kim loại tại trụ sở).	1702
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật (không hoạt động tại trụ sở).	3290
3	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3315
4	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa container.	3319
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
6	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng.	4312
7	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông-hải sản; Đại lý ký gửi hàng hóa; Môi giới (trừ môi giới bất động sản).	4610
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Xuất nhập khẩu, mua bán hàng nông-hải sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	4620
9	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng thực phẩm.	4632
10	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Xuất nhập khẩu máy vi tính.	4651
11	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Xuất nhập khẩu thiết bị viễn thông.	4652
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Xuất nhập khẩu trang thiết bị văn phòng; Xuất nhập khẩu máy in công nghiệp.	4659
13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas). Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác.	4661

14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn gạch xây, ngói, đá (đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi), cát, sỏi.	4663
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu. Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải; Nhập khẩu tàu cũ để phá vỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở); Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, hàng triển lãm; Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hàng tiêu dùng; Xuất nhập khẩu, mua bán hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm phân bón các loại; Mua bán các loại bao bì; Mua bán container;	4669
16	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.	4690
17	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải container bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
18	Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương	5012
19	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường thủy.	5022
20	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Giám định tình trạng tàu (thân, vỏ, máy ...) trước khi bàn giao cho thuê, nhận lại, bàn giao mới...; Giám định nhiên liệu trên tàu và cấp nhiên liệu cho tàu; Giám định khả năng đi biển của tàu; Giám định vệ sinh, sạch sẽ hầm hàng, kiểm tra kín nước và niêm phong hầm hàng; Giám định khối lượng hàng hoá chuyên chở bằng đường biển thông qua đo mớn nước; Giám định tổn thất hàng hoá chuyên chở trên tàu; đâm va trên biển của tàu; Giám sát quá trình xếp dỡ hàng hoá trên tàu.	5222
22	Bốc xếp hàng hóa	5224

23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kiểm đếm hàng hóa; Giao nhận hàng hóa; Môi giới thuê tàu; Đại lý tàu biển; Đại lý vận tải; Dịch vụ hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển (cung ứng nhiên liệu, thiết bị, lương thực, thực phẩm, nước ngọt, thu xếp đưa đón, thủ tục xuất nhập cảnh thuyền viên, thu xếp đưa thuyền viên khám chữa bệnh...); Đại lý bán vé máy bay; Vận tải đa phương thức quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ khai thuê Hải quan.	5229
24	Chuyển phát Chi tiết: Dịch vụ chuyển phát bưu kiện (chỉ được kinh doanh khi có giấy phép của Tổng Cục Bưu điện).	5320
25	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh bất động sản.	6810
27	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê container.	7730
28	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.	7912
29	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Dịch vụ vệ sinh container.	8129

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể đăng ký bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác tùy theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải và logistics gắn với chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển cơ sở hạ tầng logistics, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nguồn lực của Công ty.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành tinh giản, gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động SXKD.

- Đa dạng hoá các hình thức đầu tư, kinh doanh cốt lõi của Công ty.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh để mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường thế giới.
- Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển SXKD kết hợp với chế độ quản lý nhân sự và gìn giữ, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam thịnh vượng.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành có liên quan.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 140.964.860.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ chín trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 14.096.486 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

(Vốn điều lệ được điều chỉnh tăng theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐH ĐCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 31/05/2018).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục số 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không

thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công

ty công bố theo quy định của pháp luật;

1. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

đ. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

e. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định điểm b khoản 4 Điều 46 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 46 Điều lệ này;
- s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi

cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Chủ tọa đại hội phải thực hiện:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 và khoản 7 Điều này.

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 7 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân (số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác); tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường

hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết

hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác)
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa

ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Hội đồng quản trị gồm các Thành viên Hội đồng quản trị với thành phần sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Thành viên HĐQT không điều hành; Thành viên HĐQT điều hành; Thành viên độc lập HĐQT.

c. Công ty có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập;

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liên tiếp trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liên tiếp trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Không còn là người đại diện phần vốn của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c. Là người đại diện phần vốn của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ này;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư, mua tài sản và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14, khoản 4 Điều 46 Điều lệ này;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội

bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị nhỏ hơn ba mươi năm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.

b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

đ. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

h. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 29. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương (đối với thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách) hoặc thù lao (đối với thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm).

2. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp,

được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

g. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) Thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty (nếu có); người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 32. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài (Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị). Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của

Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người quản lý khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;
- k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

- a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- b. Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
- c. Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- d. Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- b. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- c. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;
- d. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);
- đ. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử một (01) ứng cử viên; sở hữu từ 20% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

đ. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;

e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

g. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày

kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 44 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị,

Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 43 Điều lệ này.

b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

đ. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử

dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 44. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 47 của Điều lệ này;

e. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông

qua bảng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 46. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân/tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

b. Giao dịch có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Điều lệ này;

c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

d. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều này và có giá trị trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 20 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ này.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 47. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại của Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh

sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 50. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 51. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 52. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên

Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.

4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

5. Hội đồng quản trị yêu cầu người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến

hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày một (01) tháng Một (01) hằng năm và kết thúc vào ngày ba mươi một (31) tháng Mười Hai (12) hằng năm.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 59. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 60. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

a. Điều lệ công ty;

b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;

c. Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 61. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 62. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 63. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 64. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó có hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một (01) chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 66. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 67. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 67 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2020
3. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

PHỤ LỤC 1 - DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

(Kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 27/04/2021)

Tên cổ đông sáng lập	Số GCN ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP	0100104595	Đăng ký thay đổi lần thứ 7: ngày 18/8/2020	Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội	Cổ phần phổ thông	7.196.838	71.968.380

PHỤ LỤC 2 - DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY CON VÀ LIÊN DOANH

(Kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 27/04/2021)

I. Các Chi nhánh trực thuộc:

1. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quảng Ninh (VOSA Quảng Ninh).
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng (VOSA Hải Phòng).
3. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hà Nội (VOSA Hà Nội).
4. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Bến Thủy (VOSA Bến Thủy).
5. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng (VOSA Đà Nẵng).
6. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quy Nhơn (VOSA Quy Nhơn).
7. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang (VOSA Nha Trang).
8. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Vũng Tàu (VOSA Vũng Tàu).
9. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Cần Thơ (VOSA Cần Thơ).
10. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn).
11. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc (NorthFreight).
12. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas).
13. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Vitamas.
14. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Dịch vụ Hàng hải và Thương mại (Samtra).

II. Các công ty con và liên doanh:

1. Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam).
2. Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM
VOSA CORPORATION

DỰ THẢO



QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04/2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ	4
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.	5
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	5
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	15
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.	17
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.	18
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	23
Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.	23
Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.	26
Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	27
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT.....	28
Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	28
Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.	29
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	31
Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.	31
Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.....	32
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	32
Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	32
CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	35
Điều 18. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty.	36
Điều 19. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật.....	36
Điều 20. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 21. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát.....	37

Điều 22. Khen thưởng và kỷ luật đối với Người điều hành Công ty.	37
Điều 23. Trách nhiệm về thiệt hại.....	37
CHƯƠNG VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH.....	38
Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.	38
Điều 25. Hiệu lực.	38

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

a. “Công ty” là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam;

b. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCD” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam;

c. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đang có hiệu lực;

d. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty;

đ. “Ban kiểm soát” hoặc “BKS” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam;

e. “Ban Tổng giám đốc” gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc;

g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được định nghĩa theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hiện hành và Điều lệ Công ty;

h. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

i. “Thành viên HĐQT độc lập” là Thành viên HĐQT được ĐHĐCD bầu tại ĐHĐCD giữ vị trí là Thành viên HĐQT độc lập đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty;

2. Các từ ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21)

ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

a. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị và thông qua chương trình, nội dung đại hội; Thành lập Tổ giúp việc, dự kiến Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử);

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty;

- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;

- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 17 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông để tham mưu, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổng hợp trên cơ sở tài liệu do các Phòng ban chuyên môn cung cấp dưới sự giám sát trực tiếp của Người phụ trách quản trị Công ty và Trưởng Ban giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông;

c. Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải là tài liệu đã được Hội đồng quản trị thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố;

d. Trong các trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn

bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

7. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

b. Hội đồng quản trị sẽ quyết định địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông căn cứ vào số lượng cổ đông, khách mời tham dự và điều kiện tài chính của Công ty;

Trong các trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập, Người triệu tập họp sẽ quyết định địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Khách mời tham dự cuộc họp (không phải là cổ đông của Công ty):

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể mời một số chủ thể khác không sở hữu cổ phần của Công ty tới tham dự cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.

9. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện;

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền cho cá nhân khác hoặc tổ chức phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp để kiểm tra tư cách tham dự trước khi vào phòng họp;

- Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

b. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp để kiểm tra tư cách tham dự trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

11. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết;

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

c. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

12. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Đại hội đồng cổ đông tiến hành chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu và thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông.

b. Đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tham dự cuộc họp.

c. Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập; Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

d. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

đ. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

e. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

g. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

h. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

- Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

i. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ Công ty, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

- Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội đồng cổ đông có thể đồng thời tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

k. Trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác, mọi cổ đông được coi là tham gia ĐHĐCĐ ở địa điểm chính của ĐHĐCĐ.

l. Hàng năm, Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

m. Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách Ban Thư ký do Đoàn chủ tịch giới thiệu. Ban Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một số ủy viên. Ban Thư ký phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực diễn biến nội dung buổi làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, những vấn đề đã được cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội đồng cổ đông;

- Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn chủ tịch.

n. Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu. Số lượng thành viên Ban kiểm phiếu tối thiểu là ba (03) thành viên.

- Thành viên Ban kiểm phiếu phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau đây:

- + Thành viên Ban kiểm phiếu không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty trong kỳ Đại hội đồng cổ đông;

- + Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên;

- + Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử.

- Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm:
- + Trình bày Quy chế bầu cử để Đại hội đồng cổ đông thông qua, danh sách đề cử và ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- + Hướng dẫn sử dụng phiếu bầu cử;
- + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu và báo cáo về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông một cách trung thực, chính xác. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này được đưa vào phụ lục của báo cáo.

o. Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung chương trình nghị sự:

- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trình bày nội dung chương trình họp tới các đại biểu. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc;

- Các nội dung thuộc nội dung chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được kèm theo Thông báo mời họp;

- Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

p. Thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự:

- Các câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thể trả lời trực tiếp tại cuộc họp, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cần có văn bản trả lời cổ đông sau cuộc họp;

- Người điều hành, người quản lý của Công ty có trách nhiệm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của cổ đông hoặc phân công nhiệm vụ của Chủ tọa cuộc họp;

- Chủ tọa cuộc họp được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng với các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

13. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

b. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- Tổ chức lại, giải thể công ty.

14. Cách thức bỏ phiếu:

a. Cổ đông sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu bầu được phát khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết, bỏ phiếu đối với từng nội dung được thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết công khai theo sự điều khiển của Chủ tọa cuộc họp;

- Đối với việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại ngày họp;

- Tỷ lệ phiếu tán thành cần thiết để thông qua mỗi nội dung được thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

15. Cách thức kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định.

16. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

- Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các điểm a khoản 16 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

c. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

17. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Quy định này không áp dụng cho việc thông báo kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

18. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ công ty.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

b. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a Khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

19. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

20. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

a. Đại diện Ban Thư ký trình bày dự thảo biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp;

b. Chủ tọa cuộc họp điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xem xét, bổ sung nội dung dự thảo biên bản và nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận;

c. Chủ tọa cuộc họp điều hành Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.

d. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;
- Kết quả biểu quyết đã được công bố;
- Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

đ. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân (số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác); tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

đ. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

g. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Thực hiện theo Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: là cuộc họp đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

Mỗi cổ đông được cấp một (01) tài khoản truy cập: là tên đăng nhập và mật khẩu được gửi trong thư mời họp cho cổ đông để truy cập tham gia đại hội trực tuyến bỏ phiếu điện tử.

Bỏ phiếu điện tử: là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua internet bằng hệ thống được xây dựng bởi Công ty hoặc cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) hoặc đơn vị khác cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử cho Công ty.

Khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông thực hiện đăng nhập vào hệ thống qua tài khoản truy cập để tham dự họp trực tuyến và biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Thực hiện theo Khoản 9 Điều 3 của Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành:

Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử, tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp quyền biểu quyết theo số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và đại diện) của cổ đông.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

Các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức có ý kiến tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề: Thông qua Ban chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu; Thông qua Chương trình Đại hội; Thông qua Quy chế Đại hội, Thê lệ biểu quyết, Thê lệ bầu cử; Thông qua Nghị quyết Đại hội; Thông qua các quyết định được tại Đại hội.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

Trong trường hợp tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử chung với tài khoản truy cập để tham dự Đại hội: Cổ đông thực hiện xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

Trong trường hợp tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử riêng với tài khoản truy cập để tham dự Đại hội: Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử trực tiếp đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Thực hiện theo Khoản 17 Điều 3 của Quy chế này.

a. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hệ thống phần mềm của Công ty.

b. Ban Bầu cử và kiểm phiếu là người tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo Khoản 19 Điều 3 của Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo Khoản 20 Điều 3 của Quy chế này.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Vai trò của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư, mua tài sản và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị nhỏ hơn ba mươi năm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Quyền được cung cấp thông tin:

a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các chi nhánh trong Công ty.

b. Người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người.

b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Hội đồng quản trị gồm các Thành viên Hội đồng quản trị với thành phần sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Thành viên HĐQT không điều hành; Thành viên HĐQT điều hành; Thành viên độc lập HĐQT.

c. Công ty có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập;

d. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cổ đông sử dụng phiếu bầu được phát khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị; Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty; Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

b. Đối với việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại ngày họp.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị:

Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác)

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng

quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. ĐHĐCĐ có quyền trả thù lao, tiền lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương (đối với thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách) hoặc thù lao (đối với thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm).

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

1. Số lượng cuộc họp:

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) Thành viên Hội đồng quản trị;

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu có).

b. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 31 Điều lệ Công ty;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;

e. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

g. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 45 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

h. Theo quy định tại điểm g khoản 6 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

7. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

a. Nghị quyết được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Thời gian, địa điểm họp;

- Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 9 Điều này.

b. Thư ký cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm hoàn thiện nội dung nghị quyết của cuộc họp Hội đồng quản trị trình Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc thành viên khác trong Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền) ký duyệt. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

11. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm hoặc chỉ đạo Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Hội đồng quản trị gửi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới các thành viên và cá nhân có liên quan. Nghị quyết, quyết định đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

b. Việc công bố toàn phần hoặc một phần nội dung nghị quyết của Hội đồng quản trị tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng và quy định về quản lý văn thư của Công ty.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng

thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài (Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị). Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quyết định thành lập tiểu ban, quy định quy chế hoạt động của tiểu ban phù hợp quy định pháp luật và yêu cầu quản trị của Công ty.

4. Chi phí hoạt động của Tiểu ban được xác định trong chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể thành lập bộ phận giúp việc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm trưởng bộ phận giúp việc HĐQT tùy từng thời điểm thích hợp.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Sau khi được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bộ phận Văn thư Công ty có trách nhiệm thông báo quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty đến Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các chi nhánh.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Vai trò của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và báo cáo cho cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.

2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 38 Điều lệ công ty;

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản

trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

a. Cổ đông sử dụng phiếu bầu được phát khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để bỏ phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát; Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty; Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty;

b. Đối với việc bỏ phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại ngày họp.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

b. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định

tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

1. Vai trò, trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;

l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thi tuyển, ký hợp đồng thuê Tổng giám đốc theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a. Cuộc họp của Hội đồng quản trị: Chủ tịch HĐQT mời thành viên Ban kiểm soát tham dự. Theo nội dung chương trình cuộc họp, Chủ tịch HĐQT có thể mời các thành phần khác thuộc nhóm Người điều hành Công ty; Trưởng các Phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu, giúp việc; lãnh đạo các chi nhánh có liên quan

tham dự cuộc họp của HĐQT và báo cáo, giải trình công việc và tham gia ý kiến chuyên môn khi cần thiết.

- Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế này và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

b. Cuộc họp của Ban Kiểm soát: tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

- Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

c. Cuộc họp của Ban Tổng giám đốc: tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Tổng giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty (trường hợp không là thành viên HĐQT) đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a. Thực hiện theo khoản 2 Điều 9 của Quy chế này.

b. Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị mà có vai trò của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc phải có tờ trình xin ý kiến đính kèm các tài liệu liên quan gửi đến Hội đồng quản trị. Tờ trình xin ý kiến phải theo các yêu cầu của HĐQT và tối thiểu phải gồm những nội dung cơ bản sau:

- Vấn đề cần xin ý kiến giải quyết;
- Quan điểm của Tổng giám đốc về vấn đề cần xin ý kiến;
- Đề xuất cụ thể phương án giải quyết.

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:

- a. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu giao;
- b. Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- c. Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- d. Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- đ. Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

Tổng giám đốc phải báo cáo cho Hội đồng quản trị tại các cuộc họp định kỳ hàng quý về việc triển khai và kết quả thực hiện các nghị quyết, các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a. Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

b. Tổng giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao trên cơ sở thực hiện nghiêm túc, kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp nhận thấy việc thực hiện sẽ gây tổn thất đến lợi ích của Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến. HĐQT tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

c. Định kỳ hàng quý, sáu (06) tháng, hằng năm, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo, cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của

Công ty, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

d. Định kỳ sáu (06) tháng, hằng năm, Tổng giám đốc xin ý kiến Hội đồng quản trị về nội dung Báo cáo tài chính và các tài liệu giải trình có liên quan trước khi ký ban hành và công bố thông tin theo quy định.

đ. Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo Điều lệ và Quy định quản lý nội bộ của Công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời hạn báo cáo không chậm hơn hai tư (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

a. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

b. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

c. Hội đồng quản trị đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

d. Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.

đ. Hội đồng quản trị ban hành cơ chế tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

**CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.**

Điều 18. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty.

1. Việc đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người điều hành Công ty được thực hiện hàng năm.

2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:

a. Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b. Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;

c. Tổng giám đốc tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm;

3. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét người điều hành do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.

4. Các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, bộ phận giúp việc, Người phụ trách quản trị công ty, Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được giao thực hiện hoạt động đánh giá này có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.

Điều 19. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật.

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật:

a. Vi phạm tiêu chuẩn chức danh hoặc vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Công ty.

b. Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật:

a. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép;

b. Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

c. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

3. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật:

a. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm;

b. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 20. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị.

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị Công ty được quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 21. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát.

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát Công ty được quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Khen thưởng và kỷ luật đối với Người điều hành Công ty.

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc:

a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định liên quan của Công ty.

b. Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm pháp luật hiện hành và Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Khen thưởng và kỷ luật đối với những người điều hành khác:

a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách của Công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định liên quan của Công ty.

b. Kỷ luật: Những người điều hành của Công ty bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm pháp luật hiện hành và Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 23. Trách nhiệm về thiệt hại.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác của Công ty

không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và Công ty quy định sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật và của Công ty.

2. Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

CHƯƠNG VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.

1. Trong quá trình thực hiện, khi có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản trị của Công ty, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Hiệu lực.

1. Quy chế này bao gồm 8 Chương, 24 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua và giao cho Hội đồng quản trị ban hành. Quy chế này thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.

3. Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, tham mưu, bộ phận giúp việc; Giám đốc các Chi nhánh; các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM
VOSA CORPORATION

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04/2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.	4
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.	5
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.	6
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	6
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên thành viên Hội đồng quản trị.....	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt ký kết hợp đồng giao dịch.....	9
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	9
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	10
Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty và bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị, Tiểu ban trực thuộc HĐQT.	11
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 17. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 19. Thủ tục họp và điều hành cuộc họp.....	13
Điều 20. Quy trình dự thảo, ban hành văn bản của Hội đồng quản trị.....	15
Điều 21. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu của HĐQT.....	15
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	16
Điều 22. Trình báo cáo hằng năm.....	16
Điều 23. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan.....	17
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17

Điều 25. Mỗi quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 26. Mỗi quan hệ với Ban Tổng giám đốc.	18
Điều 27. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát.	18
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	18
Điều 28. Hiệu lực thi hành.	18

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a. “Công ty” là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam;
- b. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- c. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đang có hiệu lực;
- d. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty;
- đ. “Ban kiểm soát” hoặc “BKS” là Ban kiểm soát Công ty;
- e. “Ban Tổng giám đốc” gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Công ty;
- g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được định nghĩa theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hiện hành và Điều lệ Công ty;
- h. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- i. “Thành viên HĐQT độc lập” là Thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ bầu tại ĐHĐCĐ giữ vị trí là Thành viên HĐQT độc lập đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty;

2. Các từ ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như quy định giải thích từ ngữ tại pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Mọi hoạt động của HĐQT phải bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định tại Quy chế này. Các thành viên HĐQT phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với trách nhiệm cẩn trọng và bảo vệ tối đa mọi quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

2. HĐQT họp định kỳ hoặc đột xuất (bất thường) theo quy định của pháp luật

hiện hành và Điều lệ Công ty để giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong thời gian giữa hai kỳ họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT là người chỉ đạo thực hiện các thủ tục trình HĐQT giải quyết công việc thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể biểu quyết, quyết định theo đa số kết hợp vai trò của người đứng đầu HĐQT. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

4. Hội đồng quản trị chỉ đạo trực tiếp hoặc giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao được nhận từ các công ty con, công ty có vốn góp và các tổ chức khác;

d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;

3. Thành viên HĐQT độc lập có quyền, nghĩa vụ khác và cách thức tổ chức, phối hợp hoạt động do Điều lệ Công ty quy định. Thành viên HĐQT độc lập có một số trách nhiệm cụ thể sau:

a. Chủ động theo dõi, báo cáo đánh giá độc lập về hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty bảo đảm rõ ràng, minh bạch;

b. Đánh giá độc lập về hiệu quả chỉ đạo quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty;

c. Báo cáo về các hạn chế, tồn tại của hoạt động quản lý, điều hành và kiến nghị giải pháp xử lý, khắc phục.

d. Các báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập được trình bày hoặc gửi tới ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các chi nhánh trong Công ty.

2. Người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên HĐQT Công ty là bảy (07) người, trong đó số lượng thành viên HĐQT độc lập do Điều lệ Công ty quy định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện do Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty quy định, trong đó:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý Công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.

2. Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch HĐQT là người điều hành hoạt động của HĐQT, có đầy đủ quyền

hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và các quy định cụ thể tại quy chế này.

2. Chủ tịch HĐQT điều hành giải quyết các công việc đến và đi thuộc thẩm quyền của HĐQT; ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT để thực hiện tốt vai trò của HĐQT trong việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, nghị quyết, quyết định ĐHCĐ giao.

3. Để phục vụ cho hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và bộ máy tham mưu, giúp việc của Công ty phải gửi thông tin, báo cáo định kỳ { vào ngày mười lăm (15) của tháng tiếp theo sau tháng cuối quý đối với báo cáo quý } hoặc đột xuất theo yêu cầu cho Chủ tịch HĐQT nắm bắt kịp thời các số liệu về báo cáo tài chính theo quy định; tình hình SXKD bao gồm cả tình hình thị trường, chính sách cung cấp dịch vụ, giải pháp giữ khách hàng, đối tác và phát triển thêm khách hàng đối tác trong hoạt động cung cấp dịch vụ hoặc tham gia các gói thầu, dự án để cung cấp chuỗi dịch vụ (nếu có); biến động nhân lực chuyên môn chất lượng cao.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên thành viên Hội đồng quản trị.

1. Việc đề cử, ứng cử ứng viên làm thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu. Phương thức bầu do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan về công bố thông tin và quy chế về công bố thông tin của Công ty.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.

3. Trong quy chế này, Hội đồng quản trị có một số quyền và nghĩa vụ cụ thể sau:

- a. Thuê chuyên gia, tư vấn: thẩm định giá, pháp luật, thẩm định đầu tư, xây dựng,

mua, bán, thanh lý tài sản; xây dựng hệ thống quy chế quản lý nội bộ; kiểm tra, giám sát nội bộ để hỗ trợ HĐQT trong việc đưa ra các quyết định bảo đảm tính phù hợp thực tế, rõ ràng, công khai, minh bạch và bảo vệ lợi ích của Công ty.

b. Tổ chức hệ thống kiểm toán nội bộ trực thuộc theo quy định của Pháp luật hiện hành và phù hợp với quy mô của Công ty để thực hiện việc kiểm tra, giám sát, phát hiện và ngăn chặn, xử lý kịp thời mọi vi phạm pháp luật và quy định của Công ty để phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền, lợi ích của Công ty, phòng chống thất thoát, lãng phí trong quản lý, điều hành.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên HĐQT tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên HĐQT phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, quyết định nêu trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt ký kết hợp đồng giao dịch.

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với các đối tượng sau:

a. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý khác và người có liên quan của đối tượng này;

b. Cổ đông, Người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện của Công ty ký hợp đồng, giao dịch này phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn tối đa là mười (10) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài (Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong

tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị). Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị;

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty và bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị, Tiểu ban trực thuộc HĐQT.

1. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (*trong đó bao gồm: tiêu chuẩn, điều kiện; thủ tục thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty*) thực hiện theo quy định của Pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập bộ phận giúp việc HĐQT và các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm Người Phụ trách quản trị Công ty, Thư ký công ty và một số chuyên viên thư ký HĐQT hoặc tham mưu, giúp việc khác cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tiểu ban.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

3. Thủ tục đề nghị và triệu tập họp HĐQT trong trường hợp họp bất thường thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm

đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 9 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; hoặc bằng phương tiện khác.

8. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

9. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

10. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

11. Nghị quyết được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 19. Thủ tục họp và điều hành cuộc họp.

1. Để cuộc họp HĐQT đạt hiệu quả cao, cuộc họp HĐQT cần bảo đảm các thủ tục cụ thể sau:

- a. Chủ tịch HĐQT chủ tọa phiên họp chỉ đạo thực hiện việc điểm danh số Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và đề nghị các Thành viên HĐQT chính thức tham dự cuộc họp biểu quyết về việc ủy quyền của Thành viên HĐQT không tham dự (nếu có) để bảo đảm cuộc họp được tổ chức đúng quy định.

b. Chủ tịch HĐQT chủ tọa phiên họp đề nghị các Thành viên HĐQT biểu quyết thông qua chương trình cuộc họp được gửi theo giấy mời hoặc các vấn đề mới phát sinh được Chủ tịch HĐQT đề nghị bổ sung vào chương trình cuộc họp để thảo luận thông qua ngay tại cuộc họp nếu đa số các Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp tán thành.

2. Chủ tịch HĐQT điều hành cuộc họp theo trình tự, thủ tục quy định và phải có nội dung sau:

a. Báo cáo theo dõi, đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện các nhiệm vụ được giao giữa hai phiên họp của HĐQT: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc hoặc Thành viên HĐQT phụ trách thực hiện nhiệm vụ HĐQT giao (nếu có) trình bày báo cáo đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, các vấn đề liên quan và các nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện tiếp theo nếu chưa hoàn thành. Các Thành viên thảo luận, Chủ tịch HĐQT tổng hợp các ý kiến và kết luận những nội dung cơ bản để HĐQT biểu quyết thông qua.

b. Chủ tịch HĐQT đề nghị Tổng giám đốc hoặc đại diện của Ban Tổng giám đốc tham dự cuộc họp trình bày báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của kỳ vừa qua, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ tới, dự báo tình hình đạt được. Các vấn đề, khó khăn vướng mắc (nếu có) để HĐQT nắm bắt, xem xét, giải quyết (nếu cần). Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trình bày tại HĐQT phải đầy đủ các nội dung theo quy định và phản ánh, đánh giá trung thực tình hình thực tế SXKD của Công ty tại thời điểm đó.

c. Các thành viên đã trình bày báo cáo tại cuộc họp có trách nhiệm giải thích làm rõ hoặc giải trình ý kiến của các Thành viên HĐQT dự họp, trong trường hợp nội dung phức tạp thì có quyền bổ sung bằng văn bản sau cuộc họp HĐQT và nếu được chủ tọa chấp thuận.

d. Chủ tịch HĐQT điều hành cuộc họp theo chương trình họp đã được HĐQT thông qua, yêu cầu Bộ phận giúp việc HĐQT chuẩn bị tài liệu cung cấp, bổ sung gửi cho các Thành viên HĐQT và các thành phần mời tham dự cuộc họp (nếu có).

Đ. Chủ tịch HĐQT đề nghị đại diện đơn vị, cá nhân chủ trì từng nội dung trình HĐQT báo cáo cụ thể tại cuộc họp và để các Thành viên HĐQT, các thành phần tham dự cuộc họp hỏi, trao đổi, làm rõ; yêu cầu đại diện đơn vị, cá nhân giải thích, làm rõ, giải trình; Chủ tịch HĐQT điều hành HĐQT thảo luận, mời Tiểu ban liên quan cho ý kiến tham mưu, thẩm định (nếu có) và mời Thành viên HĐQT theo dõi, phụ trách lĩnh vực (nếu có) cho ý kiến tham mưu, đề nghị với HĐQT để các Thành viên HĐQT khác hiểu rõ thêm;

e. Chủ tịch HĐQT gợi ý kết luận từng vấn đề xin ý kiến và đề nghị Thành viên HĐQT cho ý kiến thông qua tuân thủ từng nội dung theo chương trình họp trên nguyên tắc dân chủ, khách quan, tuân thủ các quy định liên quan về cuộc họp của HĐQT.

g. Chủ tịch HĐQT đề nghị đại diện Ban kiểm soát cho ý kiến về việc giám sát bảo đảm tuân thủ các quy định liên quan của cuộc họp, ý kiến đối với những vấn đề được thông qua tại cuộc họp, các kiến nghị, cảnh báo đối với các hoạt động của Công ty (nếu có) để HĐQT thảo luận, trả lời hoặc có giải pháp chỉ đạo giải quyết cho phù hợp.

3. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch HĐQT chủ tọa phiên họp đề nghị các Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu.

b. Mỗi Thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền hợp lệ sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Cách thức kiểm phiếu hoặc thông qua giơ tay tại cuộc họp do Bộ phận giúp việc HĐQT thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 20. Quy trình dự thảo, ban hành văn bản của Hội đồng quản trị.

1. Nghị quyết của Hội đồng quản trị chỉ được ban hành trên cơ sở Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Biên bản Tổng hợp ý kiến Thành viên HĐQT của Bộ phận giúp việc HĐQT.

2. Đối với những Nghị quyết của HĐQT mà cần phải có Quyết định cụ thể để triển khai thì Bộ phận giúp việc HĐQT dự thảo hoặc chủ trì, phối hợp với các phòng, ban tham mưu, giúp việc liên quan dự thảo.

3. Khi phát sinh những nội dung mà Hội đồng quản trị nhận thấy cần có sự trao đổi công việc với Ban Tổng giám đốc hoặc trao đổi thông tin với Ban kiểm soát, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp ngoài Công ty thì Bộ phận giúp việc HĐQT hoặc Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ dự thảo văn bản dưới hình thức công văn trình Chủ tịch HĐQT ký công văn trao đổi, đề nghị, trả lời.

Điều 21. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu của HĐQT.

1. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của HĐQT được lưu trữ và bảo mật ở văn phòng Bộ phận giúp việc HĐQT tại trụ sở Công ty theo quy định của pháp luật về chế độ văn thư, lưu trữ và của Công ty.

2. Bộ phận giúp việc HĐQT phải lập sổ văn thư ghi chép văn bản đi, đến HĐQT, Sổ biên bản, Nghị quyết của HĐQT theo chế độ theo quy định của pháp luật về chế độ văn thư, lưu trữ và của Công ty, ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc tra cứu, nghiên cứu, trích lục được dễ dàng, thuận lợi.

3. Đối với những tài liệu mang tính chất nội bộ, ảnh hưởng đến khách hàng, sản xuất kinh doanh của Công ty thì những người có quyền như Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát chỉ được phép tìm hiểu hồ sơ, tài liệu tại văn phòng. Trong trường hợp có nhu cầu sao chụp hoặc mang những hồ sơ, tài liệu này ra khỏi Văn phòng thì phải có sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm.

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác;

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ công ty có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 23. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương (đối với thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách) hoặc thù lao (đối với thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm)..

2. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm phụ cấp theo quyết định của Hội đồng quản trị;

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị;

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan.

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho công ty các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành

viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này;

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc.

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 27. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam bao gồm 07 chương, 28 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/04/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM
VOSA CORPORATION

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04/2021

MỤC LỤC

Chương I	4
QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ	4
Chương II.....	4
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
Chương III	7
BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	7
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	9
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	10
Chương IV	10
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát	10
Điều 16. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát	11
Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	12
Chương V	12
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	12
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm.....	12
Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác.....	13
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	13
Chương VI	14
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	14
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc.....	14
Điều 23. Mối quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị.....	14

Chương VII.....	15
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 24. Hiệu lực thi hành	15

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Công ty được áp dụng tương tự như trong Quy chế này.

3. Trường hợp Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật thì áp dụng theo quy định mới tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Tự ứng cử và đề cử người vào Ban kiểm soát theo nguyên tắc cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu:

a) Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được tự ứng cử hoặc đề cử một (01) ứng cử viên;

b) Từ 20% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được tự ứng cử hoặc đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c) Từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được tự ứng cử hoặc đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên.

2. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và

người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 20 Quy chế này và báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên.

c) Trưởng Ban kiểm soát.

d) Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Điểm a, b, d của Khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường.

Trường hợp, sau hai (02) lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban.

Trường hợp cuộc họp của Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải tiếp tục triệu tập cuộc họp lần hai trong thời gian không quá mười lăm (15) () ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) () ngày tiếp theo để Đại hội đồng cổ đông xem xét về thành phần và tư cách của các Kiểm soát viên.

4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ Công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát

1. Số thành viên tham dự yêu cầu:

Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc thông qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền.

2. Nguyên tắc biểu quyết:

a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát để quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

c) Tại cuộc họp, nếu có thành viên Ban kiểm soát nào nghi ngờ một thành viên có quyền lợi liên quan hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên, và những nghi ngờ đó không được thành viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên có liên quan đó chưa được biết rõ.

3. Biểu quyết theo đa số:

a) Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.

b) Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm phân công ghi chép và gửi biên bản họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó.

3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản bởi Trưởng Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng

quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do

Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng giám đốc, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

Ban Kiểm soát thông báo cho Tổng giám đốc kế hoạch kiểm tra kiểm soát định kỳ, đột xuất; kết quả kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra kiểm soát.

Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, đơn vị phụ thuộc cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Ban Kiểm soát tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm soát khi được yêu cầu.

Khi nhận được kết quả kiểm tra kiểm soát của Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc xem xét, quyết định xử lý đối với các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát theo thẩm quyền. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện của các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

Ban Tổng giám đốc thông báo ngay cho Ban Kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, sai phạm gây tổn thất cho Công ty hoặc các thông tin, quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động xấu đến các cổ đông để phối hợp xử lý.

Điều 23. Mối quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kế hoạch kiểm tra kiểm soát định kỳ, đột xuất; kết quả kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra kiểm soát.

Khi nhận được kết quả kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản

trị xem xét, quyết định xử lý đối với các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát theo thẩm quyền. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị thông báo ngay cho Ban Kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, sai phạm gây tổn thất cho Công ty hoặc các thông tin, quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động xấu đến các cổ đông để phối hợp xử lý.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm bảy (07) chương, hai mươi tư (24) Điều, được Đại Hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Hoàng Việt